

Số: /QĐ-CĐYD

Phú Thọ, ngày 12 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận thí sinh trúng tuyển
trình độ Cao đẳng hệ chính quy năm 2025

CHỦ TỊCH HĐQTS TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC PHÚ THỌ

Căn cứ Quyết định số 5616/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Dược Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-BLĐTBXH ngày 23/5/2017 của Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ trên cơ sở Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-CĐYD ngày 23/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ số 54/2023/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 22/8/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 47/2024/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 05/7/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 47a/2024/GCNDKHS - TCGDNN ngày 28/11/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ vào kết quả xét học bạ THPT của thí sinh;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh họp xét phương án điểm trúng tuyển ngày 12/08/2025;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực HĐQTS.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 304 thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng ngành Dược; 228 thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng ngành Y sĩ đa khoa; 54 thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng ngành Y học cổ truyền; 176 thí sinh trúng tuyển trình độ

Cao đẳng ngành Điều dưỡng, 29 thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng ngành Kỹ thuật hình ảnh Y học; 08 thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học; 03 thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng ngành Hộ sinh hệ chính quy năm 2025 (*Có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Hội đồng tuyển sinh, Ban Thư ký, Trưởng phòng Đào tạo & Khoa học, Phòng Tài chính, Phòng Tổng hợp và những thí sinh có tên ghi trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT&KH.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025
NGÀNH: DƯỢC***(Kèm theo Quyết định số 484/QĐ-CĐYD ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2025)*

TT	Họ và đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Hộ khẩu		Ngành học	Trường THPT Lớp 12			Kh u vực	Điể m KV	ĐT	Điể m ƯT	Khó i xét	Điểm lớp 12			ĐIỂM M TBC	ĐIỂM M ƯT	ĐIỂM M XT	KQ
								Tên trường	Địa chỉ							M1	M2	M3				
1	Trương Nguyễn Thu	An	Nữ	09/04/2007	Trường Sinh	Tuyên Quang	Dược	THPT Kim Xuyên	Sơn Dương	Tuyên quang	1	0.75			C00	7.0	6.7	7.1	20.8	0.75	21.6	TT
2	Hứa Thị	An	Nữ	12/10/2007	Nà Hang	Tuyên Quang	Dược	THPT Na Hang	Na Hang	Tuyên quang	1	0.75			C00	5.3	6.8	6.4	18.5	0.75	19.3	TT
3	Đình Công	An	Nam	15/07/2006	Ba Vì	Hà Nội	Dược	THPT Lương Thế Vinh	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	7.4	9.4	9.6	26.4	0.25	26.7	TT
4	Đỗ Văn	Anh	Nữ	26/11/2007	Tiên Lữ	Phú Thọ	Dược	THPT Văn Quán	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	5.7	6.0	6.8	18.5	0.5	19.0	TT
5	Nguyễn Nhất	Anh	Nam	27/07/2004	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Dược	THCS&THPT Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	3	0			A00	8.4	7.7	8.5	24.6	0	24.6	TT
6	Đường Thị Vân	Anh	Nữ	01/02/2005	Vĩnh Thành	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTC Phúc Yên	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	7.5	7.5	8.2	23.2	0.25	23.5	TT
7	Nguyễn Thế	Anh	Nam	26/09/2006	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.0	8.1	8.4	22.5	0.25	22.8	TT
8	Chánh Thị Vân	Anh	Nữ	05/03/2007	Hưng Khánh	Lào Cai	Dược	THPT Hưng Khánh	Chấn Yên	Yên Bái	1	0.75			C00	7.8	7.8	7.7	23.3	0.75	24.1	TT
9	Dương Phương	Anh	Nữ	20/10/2007	Trạm Thán	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Huệ	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.0	8.4	7.5	23.9	0.75	24.7	TT
10	Đỗ Phương	Anh	Nữ	05/12/2007	Văn Lang	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.9	8.0	7.1	22.0	0.75	22.8	TT
11	Nghiêm Thành Đức	Anh	Nam	17/11/2007	Tam Dương Bắc	Phú Thọ	Dược	TTGDTC tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	7.1	8.3	8.2	23.6	0.25	23.9	TT

12	Nguyễn Việt	Anh	Nam	25/8/2007	Phú Lương	Tuyên Quang	Dược	THPT Kim Xuyên	Sơn Dương	Tuyên quang	1	0.75			C00	6.4	6.1	5.8	18.3	0.75	19.1	TT
13	Đình Phương	Anh	Nữ	17/01/2007	Nông Trang	Phú Thọ	Dược	THPT CLC Văn Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.7	8.8	8.5	26.0	0.25	26.3	TT
14	Đỗ Thị Ngọc	Anh	Nữ	17/4/2007	Bình Nguyễn	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTEX Bình Xuyên	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.0	8.2	8.6	23.8	0.5	24.3	TT
15	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	02/01/2007	Bắc Hà	Lào Cai	Dược	THPT số 1 Bắc Hà	Bắc Hà	Lào Cai	1	0.75			C00	8.1	8.0	8.4	24.5	0.75	25.3	TT
16	Hoàng Ngọc Nhật	Anh	Nam	03/10/2007	Việt Trì	Phú Thọ	Dược	THPT Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.4	9.1	8.7	26.2	0.25	26.5	TT
17	Hà Trần Lan	Anh	Nữ	09/05/2007	Cẩm Khê	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTEX Cẩm Khê	Cẩm Khê	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.7	7.8	7.4	22.9	0.75	23.7	TT
18	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	17/06/2007	Phú Lương	Tuyên Quang	Dược	THPT Kim Xuyên	Sơn Dương	Tuyên quang	1	0.75			A00	8.5	8.0	7.6	24.1	0.75	24.9	TT
19	Nguyễn Thị Hoài	Anh	Nữ	05/03/2007	Vĩnh Phú	Phú Thọ	Dược	THPT Đội Cấn	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	7.2	6.6	6.8	20.6	0.5	21.1	TT
20	Hán Mai	Anh	Nữ	14/11/2002	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Phù Ninh	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.0	6.5	7.8	21.3	0.75	22.1	TT
21	Dương Tùng	Anh	Nữ	12/09/2007	Chí Đám	Phú Thọ	Dược	THPT Đoàn Hùng	Đoàn Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	8.6	8.0	7.7	24.3	0.75	25.1	TT
22	Đào Quốc	Anh	Nam	28/05/1998	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Dược	THPT Trần Hưng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	5.0	6.8	6.4	18.2	0.5	18.7	TT
23	Lưu Hoàng	Anh	Nam	06/10/2006	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Dược	TTGDNN - GDTEX Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.4	7.9	7.5	21.8	0.5	22.3	TT
24	Đào Tuấn	Anh	Nam	16/04/2007	Hiền Lương	Phú Thọ	Dược	TT. KTTH - HN tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.3	7.2	7.6	22.1	0.25	22.4	TT
25	Lưu Nhật Minh	Anh	Nam	04/9/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Herman Gmeiner	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.6	7.7	8.2	23.5	0.25	23.8	TT
26	Vũ Ngọc	Anh	Nam	27/10/2002	Nam Đông Hưng	Hưng Yên	Dược	THPT Đông Quan	Đông Hưng	Thái Bình	2NT	0.5			A00	7.3	8.0	7.6	22.9	0.5	23.4	TT

27	Phạm Thị Duy	Anh	Nữ	21/02/2002	Hà Đông	Hà Nội	Dược	THPT Hoàng Mai	Thanh Xuân	Hà Nội	3	0			A00	7.3	8.5	8.4	24.2	0	24.2	TT
28	Trịnh Ngọc Tú	Anh	Nữ	04/10/1994	Vĩnh Tường	Phú Thọ	Dược	THPT Số 3	TP. Lào Cai	Lào Cai	1	0.75			A00	6.3	6.2	6.5	19.0	0.75	19.8	TT
29	Đặng Ngọc	Ánh	Nữ	15/06/2007	Võ Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Văn Miếu	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.5	7.1	7.9	22.5	0.75	23.3	TT
30	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	17/06/2007	Việt Trì	Phú Thọ	Dược	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.2	8.0	7.3	22.5	0.25	22.8	TT
31	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	28/07/2003	Vĩnh Phú	Phú Thọ	Dược	TT GDNN- GDTX Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	6.4	8.0	8.0	22.4	0.5	22.9	TT
32	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	10/04/2007	Hải Lựu	Phú Thọ	Dược	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	7.0	6.0	7.1	20.1	0.5	20.6	TT
33	Đình Thị Hải	Ánh	Nữ	04/6/2007	Lai Đông	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX Tân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.6	8.7	8.1	23.4	0.75	24.2	TT
34	Dương Thị Minh	Ánh	Nữ	11/02/2007	Thượng Long	Phú Thọ	Dược	THPT Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.4	8.8	8.6	25.8	0.75	26.6	TT
35	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	15/04/1993	Đông Lương	Phú Thọ	Dược	THPT Mỹ Văn	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.5	6.5	5.6	17.6	0.75	18.4	TT
36	Vũ Hoàng	Bách	Nam	22/01/2007	Việt Trì	Phú Thọ	Dược	THPT Hermann Gmeiner	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.0	8.1	8.0	23.1	0.25	23.4	TT
37	Đặng Gia	Bảo	Nam	06/5/2007	Việt Trì	Phú Thọ	Dược	THPT Hermann Gmeiner	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.3	7.3	7.6	21.2	0.25	21.5	TT
38	Nguyễn Công	Bằng	Nam	03/08/2007	Như Quỳnh	Hưng Yên	Dược	THPT Nguyễn Tất Thành	Như Quỳnh	Hưng Yên	2N T	0.5			C00	7.5	8.3	7.8	23.6	0.5	24.1	TT
39	Ngô Hồng	Bích	Nữ	31/7/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.0	7.4	7.3	21.7	0.25	22.0	TT
40	Hoàng Đăng	Bửu	Nam	09/04/2006	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	TTGDTX Tinh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.7	8.5	8.0	23.2	0.25	23.5	TT
41	Nguyễn Chí	Công	Nam	07/04/2007	Nam Trạch	Quảng Trị	Dược	THPT Việt Trung	Bố Trạch	Quảng Bình	1	0.75			C00	6.2	6.9	7.4	20.5	0.75	21.3	TT

42	Hoàng Bảo	Châu	Nữ	28/02/2007	Nông Trang	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.3	9.0	7.2	23.5	0.25	23.8	TT
43	Nguyễn Thị Minh	Châu	Nữ	28/10/2006	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Dược	THPT Bến Tre	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	6.4	7.5	7.7	21.6	0.25	21.9	TT
44	Vi Quỳnh	Chi	Nữ	13/11/2007	Đông Thành	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Ba	Thanh Ba	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.2	6.5	6.9	19.6	0.75	20.4	TT
45	Phùng Ngọc Yến	Chi	Nữ	27/11/2007	Quảng Yên	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX Thọ Xuân	Thọ Xuân	Thanh Hóa	2N T	0.5			C00	8.2	9.7	8.0	25.9	0.5	26.4	TT
46	Hoàng Thị Kim	Chi	Nữ	28/08/2006	Yên Lập	Phú Thọ	Dược	TTGDNN- GDTX Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	6	6.5	6.8	19.3	0.75	20.1	TT
47	Ngô Thị Thùy	Chính	Nữ	10/11/2006	Tân Sơn	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.3	6.2	6.9	18.4	0.75	19.2	TT
48	Trương Thanh	Chúc	Nữ	22/09/2006	Bằng Luân	Phú Thọ	Dược	THPT Quế Lâm	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.9	7.9	7.5	22.3	0.75	23.1	TT
49	Nguyễn Ngọc Quốc	Chơng	Nam	18/02/1989	Yên Lập	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	8.0	6.1	6.7	20.8	0.75	21.6	TT
50	Bùi Ngọc	Danh	Nam	22/12/2007	Hợp Kim	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX Kim Bôi	Kim Bôi	Hòa Bình	1	0.75			A00	6.2	6.9	6.8	19.9	0.75	20.7	TT
51	Quách Thị Ngọc	Diệp	Nữ	16/12/2007	Thung Nai	Phú Thọ	Dược	TT GDNN GDTX TP Hòa Bình	TP. Hòa Bình	Hòa Bình	1	0.75			A00	6.0	6.7	6.5	19.2	0.75	20.0	TT
52	Hoàng Xuân	Diệu	Nữ	01/03/1997	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	Dược	THPT Vĩnh Yên	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	6.1	7.0	5.7	18.8	0.25	19.1	TT
53	Lê Thị Hiền	Địu	Nữ	22/06/2007	Thanh Thủy	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.5	8.0	7.6	23.1	0.75	23.9	TT
54	Vàng Thị	Dù	Nữ	08/01/2000	Púng Luông	Lào Cai	Dược	THPT Sơn Thịnh	Văn Chấn	Yên Bái	1	0.75			C00	6.0	6.4	6.3	18.7	0.75	19.5	TT
55	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	23/01/2006	Việt Trì	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.4	8	7.8	23.2	0.25	23.5	TT
56	Nguyễn Hà	Đũng	Nam	02/02/2006	Nông Trang	Phú Thọ	Dược	Chuyên Hùng Vương	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	9.2	8.8	9.6	27.6	0.25	27.9	TT

57	Nguyễn Chí	Duy	Nam	01/06/2006	Việt Trì	Phú Thọ	Dược	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.1	7.9	8.2	22.2	0.25	22.5	TT
58	Vũ Ánh	Dương	Nữ	21/10/2003	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2N T	0.5			A00	7.7	7.4	7.3	22.4	0.5	22.9	TT
59	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	22/4/2006	Lập Thạch	Phú Thọ	Dược	TT GDNN - GDTX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.1	7.6	7.5	22.2	0.75	23.0	TT
60	Trần Thùy	Dương	Nữ	26/02/2007	Xuân Viên	Phú Thọ	Dược	THPT Lương Sơn	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.7	6.5	6.0	18.2	0.75	19.0	TT
61	Phan Quỳnh	Dương	Nữ	27/11/1994	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.2	5.8	7.2	20.2	0.25	20.5	TT
62	Nguyễn Linh	Đan	Nữ	02/06/2005	Mỹ Lâm	Tuyên Quang	Dược	THPT Tháng 10	Yên Sơn	Tuyên Quang	1	0.75			A00	6.7	6.9	7.1	20.7	0.75	21.5	TT
63	Phạm Văn	Đan	Nam	12/07/2006	Dân Chủ	Phú Thọ	Dược	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.1	5.5	6.6	18.2	0.75	19.0	TT
64	Triệu Quang	Đạt	Nam	13/01/2007	Hy Cương	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.3	8.3	8.0	23.6	0.25	23.9	TT
65	Triệu Văn	Đạt	Nam	29/9/2007	Hy Cương	Phú Thọ	Dược	THPT CLC Văn Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.0	8.4	8.6	25.0	0.25	25.3	TT
66	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	23/04/2005	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	TT GDTX tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.7	7.5	7.0	21.2	0.25	21.5	TT
67	Nguyễn Tất	Đạt	Nam	20/11/1999	Vĩnh Yên	Phú Thọ	Dược	THPT Trần Phú	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	8.4	8.3	8.0	24.7	0.25	25.0	TT
68	Cao Hải	Đặng	Nam	04/09/2007	Vân Phú	Phú Thọ	Dược	THPT Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.5	8.7	8.5	25.7	0.25	26.0	TT
69	Trần Xuân	Đức	Nam	29/01/2007	An Châu	Nghệ An	Dược	GDNN-GDTX Diễn Châu	Diễn Châu	Nghệ An	2N T	0.5			C00	7.9	7.9	7.9	23.7	0.5	24.2	TT
70	Nguyễn Minh	Đức	Nam	08/12/2006	Yên Lập	Phú Thọ	Dược	TTGDNN- GDTX Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.4	6.5	7.2	20.1	0.75	20.9	TT
71	Hà Mạnh	Đức	Nam	17/12/2007	Thanh Thủy	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Thủy	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.1	6.7	7.0	20.8	0.75	21.6	TT

72	Nguyễn Thị Kiều	Giang	Nữ	28/03/2006	Tân Phong	Lai Châu	Dược	THPT Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.7	7.2	7.5	22.4	0.25	22.7	TT
73	Phùng Hương	Giang	Nữ	01/04/2007	Nông Trang	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.7	9.0	7.8	24.5	0.25	24.8	TT
74	Đinh Thị Hương	Giang	Nữ	31/10/2007	Tu Vũ	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.7	7.6	7.7	22.0	0.75	22.8	TT
75	Nguyễn Phương	Giang	Nữ	30/08/2006	Nông Trang	Phú Thọ	Dược	TTKTTH-HN tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.7	8.9	8.5	25.1	0.25	25.4	TT
76	Lê Thị Hương	Giang	Nữ	28/11/2007	Sam Mứn	Điện Biên	Dược	THPT huyện Điện Biên	Điện Biên	Điện Biên	1	0.75			C00	6.1	7.2	7.6	20.9	0.75	21.7	TT
77	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	04/04/2007	Tu Vũ	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.4	8.2	7.4	23.0	0.75	23.8	TT
78	Hoàng Hiền	Giang	Nữ	01/11/2007	Yên Thành	Tuyên Quang	Dược	THPT Quang Bình	Quang Bình	Hà Giang	1	0.75			C00	6.6	7.2	7.6	21.4	0.75	22.2	TT
79	Bùi Trường	Giang	Nữ	27/12/1997	Lạc Sơn	Hòa Bình	Dược	THPT Lạc Sơn	Lạc Sơn	Hòa Bình	1	0.75			A00	7.6	8.2	7.7	23.5	0.75	24.3	TT
80	Lê Thu	Giang	Nữ	17/08/1999	Bình Xuyên	Phú Thọ	Dược	THPT Quang Hà	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	6.0	7.3	7.2	20.5	0.5	21.0	TT
81	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	22/04/2006	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	TTKTTH-HN tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.1	7.9	8.2	23.2	0.25	23.5	TT
82	Nguyễn Khánh	Hà	Nữ	25/02/2007	An Tường	Tuyên Quang	Dược	THPT Nguyễn Văn Huyền	TP. Tuyên Quang	Tuyên quang	1	0.75			C00	7.4	7.8	7.5	22.7	0.75	23.5	TT
83	Đỗ Thị Thu	Hạ	Nữ	17/01/2007	Châu Quế	Lào Cai	Dược	GDNN-GDTX Văn Yên	Văn Yên	Yên Bái	1	0.75			C00	7.0	7.6	7.3	21.9	0.75	22.7	TT
84	Hà Hoàng	Hải	Nam	12/10/2006	Yên Lập	Phú Thọ	Dược	TT GDNN- GDTX Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.9	7.4	7.4	21.7	0.75	22.5	TT
85	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	28/11/2007	Hoàng Cương	Phú Thọ	Dược	THPT Yên Khê	Thanh Ba	Phú Thọ	1	0.75			A00	8.4	7.0	7.7	23.1	0.75	23.9	TT
86	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	04/07/2007	Lâm Thao	Phú Thọ	Dược	THPT Chất lượng cao Văn Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.0	8.6	8.6	25.2	0.25	25.5	TT

87	Bùi Thị	Hạnh	Nữ	09/07/2006	Thanh Sơn	Phú Thọ	Dược	THPT Văn Miếu	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.3	7.4	7.9	22.6	0.75	23.4	TT
88	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	04/06/2006	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.7	7.0	7.2	21.9	0.75	22.7	TT
89	Lê Thị Thanh	Hào	Nữ	17/10/2007	Nà Hang	Tuyên Quang	Dược	THPT Na Hang	Na Hang	Tuyên quang	1	0.75			C00	6.5	7.2	6.5	20.2	0.75	21.0	TT
90	Phạm Thị	Hào	Nữ	30/03/1983	Long Biên	Hà Nội	Dược	THPT Gia Lộc	Gia Lộc	Hải Dương	2N T	0.5			A00	5.6	5.2	5.5	16.3	0.5	16.8	TT
91	Phạm Thị	Hằng	Nữ	17/09/2006	Hồng Sơn	Tuyên Quang	Dược	THPT Kim Xuyên	Sơn Dương	Tuyên quang	1	0.75			A00	6.4	7.3	7.4	21.1	0.75	21.9	TT
92	Đỗ Thu	Hằng	Nữ	13/01/2007	Võ Miếu	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTEX Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.9	8.5	8.1	24.5	0.75	25.3	TT
93	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	19/06/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.4	7.2	7.7	22.3	0.25	22.6	TT
94	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	01/06/2007	Phú Khê	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTEX Cẩm Khê	Cẩm Khê	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.2	6.9	7.4	21.5	0.75	22.3	TT
95	Phùng Thị	Hằng	Nữ	11/02/1999	Vĩnh Yên	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Thái Học	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	6.4	6.8	7.4	20.6	0.25	20.9	TT
96	Đỗ Thúy	Hiền	Nữ	02/06/2007	Sông Lô	Phú Thọ	Dược	THPT Sông Lô	Sông Lô	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.8	6.8	7.7	22.3	0.75	23.1	TT
97	Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	04/09/2006	Đào Xá	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTEX Thanh Thủy	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.0	6.8	7.4	20.2	0.75	21.0	TT
98	Phùng Thị Thu	Hiền	Nữ	29/03/1994	Mình Hòa	Phú Thọ	Dược	THPT Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.0	6.6	5.1	16.7	0.75	17.5	TT
99	Thân Lê Thu	Hiền	Nữ	15/8/2007	Tiền Phong	Bắc Ninh	Dược	THPT Yên Dũng số 1	TP. Bắc Giang	Bắc Giang	1	0.75			C00	7.5	8.8	8.9	25.2	0.75	26.0	TT
100	Ngô Mạnh	Hiếu	Nam	22/8/2003	Hạ Hòa	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.8	8.5	8.9	25.2	0.75	26.0	TT
101	Triệu Dương	Hiếu	Nam	18/05/2007	Văn Chấn	Lào Cai	Dược	THPT Sơn Thịnh	Văn Chấn	Yên Bái	1	0.75			A00	7.8	8.0	6.8	22.6	0.75	23.4	TT

10 2	Hoàng Thị	Hiếu	Nữ	06/09/200 7	Tam Đương	Phú Thọ	Dược	THPT Tam Dương	Tam Đương	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	7.6	6.4	6.8	20.8	0.5	21.3	TT
10 3	Nguyễn Thanh	Hoa	Nữ	06/07/200 6	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Thái Học	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	7.1	8.0	6.7	21.8	0.25	22.1	TT
10 4	Đỗ Thị Thanh	Hoa	Nữ	22/01/200 7	Liên Châu	Phú Thọ	Dược	THPT Yên Lạc 2	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	6.5	6.0	7.1	19.6	0.5	20.1	TT
10 5	Phùng Thị	Hoa	Nữ	06/03/200 7	Quảng Oai	Hà Nội	Dược	GDNN-GDTX Ba Vi	Ba Vi	Hà Nội	2	0.25			B00	8.1	9.0	8.2	25.3	0.25	25.6	TT
10 6	Nguyễn Mai	Hoa	Nữ	17/02/200 6	Yên Sơn	Tuyên Quang	Dược	THPT Xuân Huy	Yên Sơn	Tuyên Quang	1	0.75			A00	6.5	7.7	6.4	20.6	0.75	21.4	TT
10 7	Lâm Thị Phương	Hoa	Nữ	17/07/197 5	Giảng Vô	Hà Nội	Dược	THPT Chuyên Tuyên Quang	Minh Xuân	Tuyên Quang	1	0.75			C00	7.3	6.8	6.2	20.3	0.75	21.1	TT
10 8	Nguyễn Thu	Hòa	Nữ	14/01/197 8	Việt Tri	Phú Thọ	Dược	THPT Long Châu Sa	Lâm Thao	Phú Thọ	2N T	0.5			A00	5.9	5.2	6.0	17.1	0.5	17.6	TT
10 9	Nguyễn Huy	Hoàng	Na m	23/07/200 7	Phú Mỹ	Phú Thọ	Dược	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			A00	8.6	9.0	8.6	26.2	0.75	27.0	TT
11 0	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	28/03/200 0	Hiền Quan	Phú Thọ	Dược	THPT Tam Nông	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.5	7.0	7.1	20.6	0.75	21.4	TT
11 1	Nguyễn Văn	Hợi	Na m	01/04/200 7	Việt Yên	Bắc Ninh	Dược	THPT Việt Yên số 1	Việt Yên	Bắc Giang	2N T	0.5			A00	9.2	8.6	9.1	26.9	0.5	27.4	TT
11 2	Phan Thị	Huệ	Nữ	20/12/200 7	Mường Coi	Sơn La	Dược	PTDT Nội Trú THCS-THPT Phù Yên	Phù Yên	Sơn La	1	0.75			C00	6.4	6.9	7.1	20.4	0.75	21.2	TT
11 3	Hà Tuấn	Hùng	Na m	16/02/200 6	Yên Lập	Phú Thọ	Dược	TTGDNN- GDTX Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.8	6.9	7.5	21.2	0.75	22.0	TT
11 4	Vũ Gia	Huy	Na m	14/06/200 3	Thổ Tang	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	8.4	8.3	8.5	25.2	0.5	25.7	TT
11 5	Hoàng Cao Gia	Huy	Na m	11/05/200 6	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2N T	0.5			A00	6.9	5.9	8.2	21.0	0.5	21.5	TT
11 6	Lê Ngọc	Huyền	Nữ	25/11/200 1	Đoan Hùng	Phú Thọ	Dược	THPT Đông Thọ	Sơn Đương	Tuyên Quang	1	0.75			A00	7.9	6.7	7.6	22.2	0.75	23.0	TT

11 7	Hà Thị	Huyện	Nữ	09/04/200 1	Sơn Dương	Tuyên Quang	Dược	THPT Sơn Dương	Sơn Dương	Tuyên Quang	1	0.75			A00	5.8	5.4	6.5	17.7	0.75	18.5	TT
11 8	Ma Thị Khánh	Huyện	Nữ	17/07/200 7	Kim Bình	Tuyên Quang	Dược	THPT Kim Bình	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	1	0.75			A00	7.7	7.5	7.5	22.7	0.75	23.5	TT
11 9	Phạm Thu	Huyện	Nữ	03/01/200 7	Thác Bà	Lào Cai	Dược	THPT Thác Bà	Yên Bình	Yên Bái	1	0.75			A00	6.1	7.5	7.3	20.9	0.75	21.7	TT
12 0	Phạm Thị Thanh	Huyện	Nữ	13/11/200 7	Thanh Thủy	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX huyện Thanh Thủy	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.2	7.4	7.2	20.8	0.75	21.6	TT
12 1	Nguyễn Thị	Huyện	Nữ	16/01/198 4	Nông Trang	Phú Thọ	Dược	THPT Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	8.5	7.4	7.2	23.1	0.25	23.4	TT
12 2	Nguyễn Duy	Hung	Na m	05/08/200 7	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	5.8	7.6	8.0	21.4	0.25	21.7	TT
12 3	Đặng Thị	Hương	Nữ	29/06/200 4	Văn Yên	Yên Bái	Dược	PT Dân tộc nội trú tỉnh Yên Bái	Văn Chấn	Yên Bái	1	0.75			B00	8.3	7.8	8.9	25.0	0.75	25.8	TT
12 4	Phạm Quỳnh	Hương	Nữ	14/07/200 4	Lục Ngạn	Bắc Giang	Dược	THPT Lê Hồng Phong	Lục Ngạn	Bắc Giang	1	0.75			A00	7.2	6.6	7.5	21.3	0.75	22.1	TT
12 5	Hoàng Thị	Hường	Nữ	16/05/198 7	Bảo Thắng	Lào Cai	Dược	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	5.6	6.8	6.2	18.6	0.5	19.1	TT
12 6	Lục Thị Mỹ	Hường	Nữ	10/09/199 7	Bảo Hà	Lào Cai	Dược	THPT Số 2 Bảo Yên	Bảo Yên	Lào Cai	1	0.75			A00	7.5	6.7	6.8	21.0	0.75	21.8	TT
12 7	Lường Thị	Hường	Nữ	17/05/199 0	Mường Coi	Sơn La	Dược	THPT Phù Yên	Phù Yên	Sơn La	1	0.75			C00	6.3	7.0	6.3	19.6	0.75	20.4	TT
12 8	Đỗ Văn	Khái	Na m	14/06/200 7	Thu Cúc	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.6	7.1	7.3	21.0	0.75	21.8	TT
12 9	Phùng Đức	Khang	Na m	14/03/200 7	Vĩnh Yên	Phú Thọ	Dược	THPT Vĩnh Yên	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			C00	5.3	7.1	6.5	18.9	0.25	19.2	TT
13 0	Hoàng Quốc	Khánh	Na m	12/01/200 6	Phùng Nguyễn	Phú Thọ	Dược	THPT Long Châu Sa	Lâm Thao	Phú Thọ	2N T	0.5			A00	6.2	6.3	7.4	19.9	0.5	20.4	TT
13 1	Đinh Hữu	Khánh	Na m	23/01/200 7	Cự Đông	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Sơn, Phú Thọ	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.7	7.6	7.5	22.8	0.75	23.6	TT

13 2	Nguyễn Xuân	Khánh	Na m	14/10/200 6	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Dược	THPT Văn Quán	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	7.0	6.2	7.5	20.7	0.5	21.2	TT
13 3	Hoàng Thị Hương	Lan	Nữ	26/06/200 7	Nam Cường	Lào Cai	Dược	THPT Lê Quý Đôn	Trần Yên	Yên Bái	1	0.75			A00	7.3	7.1	6.6	21.0	0.75	21.8	TT
13 4	Nguyễn Trần Ngọc	Lan	Nữ	22/02/200 5	Tu Vũ	Phú Thọ	Dược	THPT Trung Nghĩa	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.4	8.6	7.4	23.4	0.75	24.2	TT
13 5	Vũ Hoàng Hương	Lan	Nữ	24/07/200 6	Thanh Miêu	Phú Thọ	Dược	TT KTTH-HN tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	6.8	6.7	7.3	20.8	0.25	21.1	TT
13 6	Đỗ Ngọc	Lan	Nữ	12/09/200 6	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Dược	THPT Võ Thị Sáu	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	7.7	7.3	8.3	23.3	0.5	23.8	TT
13 7	Lê Ngọc	Lâm	Na m	20/09/200 7	Đoàn Đào	Hưng Yên	Dược	TT GDNN-GDTX Huyện Tiên Lữ	Tiên Lữ	Hưng Yên	2N T	0.5			D00	7.9	7.9	7.9	23.7	0.5	24.2	TT
13 8	Nguyễn Quang	Lâm	Na m	19/07/200 6	TX Phú Thọ	Phú Thọ	Dược	THPT Trường Thịnh	Phú Thọ	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.0	8.3	7.7	23.0	0.25	23.3	TT
13 9	Chu Thị Thúy	Lê	Nữ	09/04/200 7	Vật Lại	Hà Nội	Dược	THPT Lương Thế Vinh	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			C00	8.7	9.4	9.7	27.8	0.25	28.1	TT
14 0	Nông Thị	Liên	Nữ	08/3/2007	Xín Mần	Tuyên Quang	Dược	THPT Xín Mần	Xín Mần	Hà Giang	1	0.75			C00	8.2	8.5	8.4	25.1	0.75	25.9	TT
14 1	Đỗ Thúy	Liễu	Nữ	04/01/200 5	An Tường	Tuyên Quang	Dược	THPT Nguyễn Văn Huyền	TP. Tuyên Quang	Tuyên quang	1	0.75			A00	6.0	5.6	6.2	17.8	0.75	18.6	TT
14 2	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	06/06/199 9	Văn Phú	Lào Cai	Dược	THPT Trần Nhật Đuật	Yên Bình	Yên Bái	1	0.75			A00	5.9	6.3	7.3	19.5	0.75	20.3	TT
14 3	Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	04/06/200 7	Tiên Lương	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX Cẩm Khê	Cẩm Khê	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.0	9.2	8.1	24.3	0.75	25.1	TT
14 4	Trương Thị Khánh	Linh	Nữ	31/08/200 7	Liên Sơn	Lào Cai	Dược	GDNN-GDTX Văn Chấn	Văn Chấn	Yên Bái	1	0.75			A00	6.2	6.5	6.7	19.4	0.75	20.2	TT
14 5	Hứa Thị Thùy	Linh	Nữ	09/08/200 7	Yên Nguyê n	Tuyên Quang	Dược	THPT Hòa Phú	Chiêm Hóa	Tuyên quang	1	0.75			C00	5.7	6.5	6.0	18.2	0.75	19.0	TT
14 6	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	22/01/200 7	Hùng Việt	Phú Thọ	Dược	THPT Hiền Đa	Cẩm Khê	Phú Thọ	2N T	0.5			C00	8.8	9.2	8.3	26.3	0.5	26.8	TT

14 7	Nguyễn Phuong	Linh	Nữ	16/06/200 7	Nà Hang	Tuyên Quang	Dược	THPT Na Hang	Na Hang	Tuyên quang	1	0.75			C00	6.3	7.1	6.9	20.3	0.75	21.1	TT
14 8	Nguyễn Phuong	Linh	Nữ	27/10/200 7	Phong Châu	Phú Thọ	Dược	THPT Trường Thịnh	TX. Phú Thọ	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.4	6.4	8.1	20.9	0.25	21.2	TT
14 9	Nguyễn Tú	Linh	Nữ	20/9/2007	Thanh Thủy	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Thủy	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.2	7.4	8.1	23.7	0.75	24.5	TT
15 0	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	16/12/200 5	Bắc Hà	Lào Cai	Dược	THPT Số 1 Bắc Hà	Bắc Hà	Lào Cai	1	0.75			C00	6.5	6.6	5.8	18.9	0.75	19.7	TT
15 1	Tạ Hoàng	Linh	Na m	21/08/200 7	Lâm Thao	Phú Thọ	Dược	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2N T	0.5			A00	7.5	7.8	8.2	23.5	0.5	24.0	TT
15 2	Bùi Thị	Linh	Nữ	16/01/199 3	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Dược	THPT Nguyễn Thị Giang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	6.5	7.3	6.0	19.8	0.5	20.3	TT
15 3	Chu Tiểu	Linh	Nữ	25/01/199 5	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Phù Ninh	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.0	8.1	7.9	24.0	0.75	24.8	TT
15 4	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	12/02/200 1	Việt Tri	Phú Thọ	Dược	THPT Chuyên Hùng Vương	Việt Tri	Phú Thọ	2	0.25			A00	8.5	8.4	8.8	25.7	0.25	26.0	TT
15 5	Lê Minh	Long	Na m	14/10/200 6	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2N T	0.5			A00	6.7	5.5	8.2	20.4	0.5	20.9	TT
15 6	Đào Hoàng	Long	Na m	26/08/200 7	Nông Trang	Phú Thọ	Dược	THPT Kỹ thuật Việt Tri	Việt Tri	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.0	8.4	8.0	24.4	0.25	24.7	TT
15 7	Phí Duy	Lợi	Na m	27/7/2007	Vĩnh Tường	Phú Thọ	Dược	THPT Lê Xoay	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	5.8	7.3	7.8	20.9	0.5	21.4	TT
15 8	Hoàng Tiến	Luật	Na m	02/07/200 4	Yên Thành	Tuyên Quang	Dược	THPT Quang Bình	Quang Bình	Hà Giang	1	0.75			C00	6.1	7.0	7.7	20.8	0.75	21.6	TT
15 9	Nguyễn Thị	Lũy	Nữ	14/01/200 0	Tam Giang	Đắk Lắk	Dược	GDNN-GDTX huyện Krông Năng	Krông Năng	Đắk Lắk	1	0.75			A00	9.3	9.3	9.0	27.6	0.75	28.4	TT
16 0	Trần Thị	Lương	Nữ	26/08/200 6	Hàm Yên	Tuyên Quang	Dược	THPT Phù Lưu	Hàm Yên	Tuyên Quang	1	0.75			A00	6.4	6.6	6.9	19.9	0.75	20.7	TT
16 1	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	18/10/200 7	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2N T	0.5			A00	5.5	7.5	6.7	19.7	0.5	20.2	TT

16 2	Trần Phương	Ly	Nữ	16/12/2007	Vân Phú	Phú Thọ	Dược	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.9	7.2	7.4	21.5	0.25	21.8	TT
16 3	Bùi Thị Hương	Ly	Nữ	16/08/2007	Hoàng An	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	7.1	8.0	8.1	23.2	0.5	23.7	TT
16 4	Khổng Khánh	Ly	Nữ	20/8/2007	Lập Thạch	Phú Thọ	Dược	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	8.7	7.3	8.3	24.3	0.75	25.1	TT
16 5	Nguyễn Hà Khánh	Ly	Nữ	21/8/2007	Hải Lựu	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			B00	7.4	7.6	7.4	22.4	0.75	23.2	TT
16 6	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	22/4/2007	Vĩnh Yên	Phú Thọ	Dược	THPT Kim Ngọc	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			C00	8.1	7.1	7.0	22.2	0.25	22.5	TT
16 7	Hoàng Xuân	Mai	Nữ	16/09/2007	Văn Lang	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.6	7.7	6.8	20.1	0.75	20.9	TT
16 8	Ngô Thanh	Mai	Nữ	14/03/2007	Vân Phú	Lào Cai	Dược	THPT Trần Nhật Duật	Yên Bình	Yên Bái	1	0.75			A00	7.2	6.8	7.7	21.7	0.75	22.5	TT
16 9	Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	29/6/2007	Hợp Lý	Phú Thọ	Dược	THPT Văn Quán	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	5.8	6.4	6.8	19.0	0.5	19.5	TT
17 0	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	17/6/2007	Phú Thọ	Phú Thọ	Dược	THPT Thị xã Phú Thọ	TX Phú Thọ	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.1	7.8	8.0	22.9	0.25	23.2	TT
17 1	Tổng Ngọc	Mai	Nữ	25/08/2007	Bình Thuận	Tuyên Quang	Dược	THPT Sông Lô	Yên Sơn	Tuyên Quang	1	0.75			C00	8.0	9.1	8.5	25.6	0.75	26.4	TT
17 2	Đoàn Duy	Mạnh	Nam	18/08/2007	Xuân Lũng	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Huệ	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.6	8.0	7.1	22.7	0.75	23.5	TT
17 3	Phạm Hùng	Mạnh	Nam	18/10/2007	Mèo Vạc	Tuyên Quang	Dược	THPT Mèo Vạc	Mèo Vạc	Hà Giang	1	0.75			A00	7.9	7.3	7.8	23.0	0.75	23.8	TT
17 4	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	24/12/2005	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Dược	TTGDTX Tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	6.4	7.8	7.5	21.7	0.25	22.0	TT
17 5	Nguyễn Đình	Mạnh	Nam	03/07/2002	Phùng Nguyễn	Phú Thọ	Dược	THPT Tam Nông	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.2	7.1	6.8	21.1	0.75	21.9	TT
17 6	Phan Gia	Minh	Nữ	25/07/2004	Thanh Sơn	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.1	6.9	6.0	18.0	0.75	18.8	TT

17 7	Nguyễn Thị Hồng	Mơ	Nữ	26/11/2007	Bảo Ái	Lào Cai	Dược	THPT Cẩm Ân	Yên Bình	Yên Bái	1	0.75			B00	7.1	6.6	7.6	21.3	0.75	22.1	TT
17 8	Khổng Thị	Mừng	Nữ	10/02/1999	Sơn Dương	Tuyên Quang	Dược	THPT Kháng Nhật	Sơn Dương	Tuyên quang	1	0.75			A00	6.0	6.0	5.3	17.3	0.75	18.1	TT
17 9	Lê Trà	My	Nữ	06/10/2007	Thái Sơn	Tuyên Quang	Dược	THPT Thái Hòa	Hàm Yên	Tuyên quang	1	0.75			C00	7.4	9.2	8.4	25.0	0.75	25.8	TT
18 0	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	21/03/2007	Liên Châu	Phú Thọ	Dược	THPT Đội Cấn	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	7.9	8.7	8.2	24.8	0.5	25.3	TT
18 1	Nguyễn Trà	My	Nữ	01/09/2007	Yên Lập	Phú Thọ	Dược	THPT Minh Hòa	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			B00	6.6	7.4	7.8	21.8	0.75	22.6	TT
18 2	Đỗ Ngọc Trà	My	Nữ	02/08/2007	Nam Cường	Lào Cai	Dược	THPT Lý Thường Kiệt	Hồng Hà	Yên Bái	1	0.75			C00	7.7	8.2	8.5	24.4	0.75	25.2	TT
18 3	Nguyễn Thị	My	Nữ	20/10/1995	Bắc Quang	Hà Giang	Dược	THPT Hùng An	Bắc Quang	Hà Giang	1	0.75			C00	8.0	7.0	7.9	22.9	0.75	23.7	TT
18 4	Cao Phạm Hải	Nam	Nam	10/09/2007	Bản Nguyễn	Phú Thọ	Dược	Kỹ thuật tổng hợp-Hướng nghiệp tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.0	7.5	7.5	22.0	0.25	22.3	TT
18 5	Nguyễn Phương	Nam	Nam	05/8/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT CLC Hùng Vương	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.1	8.3	8.4	23.8	0.25	24.1	TT
18 6	Dương Hoài	Nam	Nam	21/12/2004	Tiền Phong	Bắc Ninh	Dược	THPT Yên Dũng số 1	Yên Dũng	Bắc Giang	1	0.75			A00	7.2	6.6	6.9	20.7	0.75	21.5	TT
18 7	Lưu Quốc	Nam	Nam	19/07/1994	Phù Khê	Bắc Ninh	Dược	THPT Nguyễn Văn Cừ	Từ Sơn	Bắc Ninh	2	0.25			A00	8.6	8.8	7.5	24.9	0.25	25.2	TT
18 8	Ngô Thị Phương	Nga	Nữ	08/09/2007	Liên Châu	Phú Thọ	Dược	THPT Yên Lạc 2	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	7.2	7.0	7.4	21.6	0.5	22.1	TT
18 9	Thảo A	Ngoan	Nam	18/03/2007	Sa Dung	Điện Biên	Dược	THPT Trần Can	Điện Biên Đông	Điện Biên	1	0.75			C00	7.3	8.1	7.8	23.2	0.75	24.0	TT
19 0	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	18/04/1999	Yên Bình	Yên Bái	Dược	THPT Trần Nhật Duật	Yên Bình	Yên Bái	1	0.75			C00	7.0	7.1	6.7	20.8	0.75	21.6	TT
19 1	Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	20/11/2007	Sơn Đông	Phú Thọ	Dược	TTGDNN-GDTX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.6	8.2	7.3	23.1	0.75	23.9	TT

19 2	Sa Bảo	Ngọc	Nữ	27/08/2007	Xuân Đài	Phú Thọ	Dược	THPT Minh Đài	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.6	6.6	6.9	19.1	0.75	19.9	TT
19 3	Phi Anh	Ngọc	Nữ	09/04/2007	Lập Thạch	Phú Thọ	Dược	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	5.2	6.2	6.4	17.8	0.75	18.6	TT
19 4	Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	29/10/2007	Bình Nguyên	Phú Thọ	Dược	GDNN, GDTX Bình Xuyên	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	7.8	8.1	7.8	23.7	0.5	24.2	TT
19 5	Ma Thị	Ngọc	Nữ	11/01/2007	Yên Nguyên	Tuyên Quang	Dược	THPT Hòa Phú	Chiêm Hóa	Tuyên quang	1	0.75			C00	7.3	8.2	8.7	24.2	0.75	25.0	TT
19 6	Đình Bá	Ngọc	Nam	23/12/2005	Bảy Hiền	TP. Hồ Chí Minh	Dược	THPT Nguyễn Chí Thanh	Tân Bình	TP Hồ Chí Minh	3	0			A00	6.1	6.1	5.9	18.1	0	18.1	TT
19 7	Phạm Hồng	Ngọc	Nữ	04/05/1991	Văn Miếu-Quốc Tử Giám	Hà Nội	Dược	THPT Marie Curie	Hoàn Kiếm	Hà Nội	3	0			B00	8.0	7.1	9.4	24.5	0	24.5	TT
19 8	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	18/02/2006	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Dược	TTGDNN - GDTX Tam Nông	Tam Nông	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	6.8	7.8	7.5	22.1	0.75	22.9	TT
19 9	Nông Yên	Nhi	Nữ	09/05/2007	Phù Lưu	Tuyên Quang	Dược	THPT Phù Lưu	Hàm Yên	Tuyên quang	1	0.75			C00	6.5	7.5	8.0	22.0	0.75	22.8	TT
20 0	Vi Thị Phương	Nhi	Nữ	20/12/2007	Đông Thành	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Ba	Thanh Ba	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.3	5.6	7.5	20.4	0.75	21.2	TT
20 1	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	11/11/2007	Yên Sơn	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.2	7.9	6.9	22.0	0.75	22.8	TT
20 2	Đình Hoàng	Nhi	Nam	12/12/2007	Khả Cửu	Phú Thọ	Dược	THPT Hương Cẩn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.3	7.0	8.0	22.3	0.75	23.1	TT
20 3	Quản Thị Yên	Nhi	Nữ	10/12/2007	Lâm Thao	Phú Thọ	Dược	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2N T	0.5			C00	8.1	8.6	8.8	25.5	0.5	26.0	TT
20 4	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	08/11/2007	Sơn Dương	Tuyên Quang	Dược	THPT ATK Tân Trào	Sơn Dương	Tuyên quang	1	0.75			A00	5.6	6.4	6.8	18.8	0.75	19.6	TT
20 5	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/08/2007	Bình Phú	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX huyện Phù Ninh	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.9	7.1	6.8	20.8	0.75	21.6	TT
20 6	Phương Tuyết	Nhung	Nữ	30/11/2007	Cổ Đô	Hà Nội	Dược	THPT Lương Thế Vinh	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			C00	8.4	9.6	9.5	27.5	0.25	27.8	TT

207	Lộc Phương	Nhung	Nữ	10/4/2007	Văn Chấn	Lào Cai	Dược	THPT Sơn Thịnh	Văn Chấn	Lào Cai	1	0.75			C00	6.5	7.0	7.5	21.0	0.75	21.8	TT
208	Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	18/09/2006	Sơn Dương	Tuyên Quang	Dược	THPT Sơn Nam	Sơn Dương	Tuyên Quang	1	0.75			A00	7.1	8.4	7.5	23.0	0.75	23.8	TT
209	Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	22/8/1995	Bình Xuyên	Phú Thọ	Dược	THPT Quang Hà	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	6.8	5.4	5.9	18.1	0.5	18.6	TT
210	Hoàng Trị Nhật	Phong	Nam	01/04/2001	Cát Ngạn	Nghệ An	Dược	THPT Thanh Chương 3	Thanh Chương	Nghệ An	1	0.75			A00	6.3	7.1	6.4	19.8	0.75	20.6	TT
211	Nguyễn Đình	Phú	Nam	12/09/2007	Thanh Thủy	Phú Thọ	Dược	GDNN - GDTX Thanh Thủy	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			B00	7.4	6.9	6.3	20.6	0.75	21.4	TT
212	Hà Hữu	Phúc	Nam	07/08/2007	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT CLC Văn Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	8.2	8.0	8.5	24.7	0.25	25.0	TT
213	Lò Thị	Phuon g	Nữ	02/9/1998	Thanh Yên	Điện Biên	Dược	THPT Thanh Chấn	Điện Biên	Điện Biên	1	0.75			A00	5.0	6.9	5.8	17.7	0.75	18.5	TT
214	Nguyễn Thị Thu	Phuon g	Nữ	18/12/2007	Thu Cúc	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.4	7.3	8.0	23.7	0.75	24.5	TT
215	Nguyễn Thị	Phuon g	Nữ	25/08/2007	Tu Vũ	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.4	7.0	7.4	20.8	0.75	21.6	TT
216	Hà Bích	Phuon g	Nữ	04/11/2007	Thượng Long	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX huyện Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.0	7.2	8.0	22.2	0.75	23.0	TT
217	Trần Thị Kim	Phuon g	Nữ	24/12/2001	Việt Trì	Phú Thọ	Dược	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.7	7.5	7.5	21.7	0.25	22.0	TT
218	Nguyễn Tuấn	Quang	Nam	23/10/2007	Thanh Thủy	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.4	8.3	7.2	21.9	0.75	22.7	TT
219	Nguyễn Đức	Quân	Nam	22/01/1990	Tiên Lữ	Phú Thọ	Dược	THPT Trần Nguyên Hãn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	6.2	5.9	5.9	18.0	0.5	18.5	TT
220	Trần Đức	Quý	Nam	26/02/2007	Sông Lô	Phú Thọ	Dược	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.4	7.2	7.2	21.8	0.25	22.1	TT
221	Hoàng Diễm	Quyên	Nữ	18/8/2006	Xuân Ái	Lào Cai	Dược	THPT Nguyễn Lương Bằng	Văn Yên	Yên Bái	1	0.75			A00	7.9	7.7	7.7	23.3	0.75	24.1	TT

22 2	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	05/10/1997	Tam Nông	Phú Thọ	Dược	THPT Mỹ Văn	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.9	6.2	5.9	19.0	0.75	19.8	TT
22 3	Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	29/11/2007	Hoàng Cương	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Ba	Thanh Ba	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.1	6.6	7.3	21.0	0.75	21.8	TT
22 4	Trần Diễm	Quỳnh	Nữ	01/06/2007	Đan Thurg	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.9	7.5	7.4	20.8	0.75	21.6	TT
22 5	Trần Mai	Quỳnh	Nữ	26/01/2006	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2N T	0.5			A00	6.0	7.1	7.4	20.5	0.5	21.0	TT
22 6	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	12/01/2007	Xuân Lũng	Phú Thọ	Dược	THPT Phong Châu	Lâm Thao	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.5	8.5	8.0	24.0	0.75	24.8	TT
22 7	Vũ Như	Quỳnh	Nữ	31/05/2007	Sông Lô	Phú Thọ	Dược	THPT Sông Lô	Sông Lô	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.6	7.8	7.2	22.6	0.75	23.4	TT
22 8	Đào Tuấn	Sơn	Nam	24/02/1983	Mình Đai	Phú Thọ	Dược	THPT Hiền Đa	Cẩm Khê	Phú Thọ	2N T	0.5			C00	5.4	6.6	5.5	17.5	0.5	18.0	TT
22 9	Trương Trung	Sơn	Nam	16/08/2006	Văn Bàn	Lào Cai	Dược	THPT Số 1 Văn Bàn	Văn Bàn	Lào Cai	1	0.75			A00	6.9	7.8	7.6	22.3	0.75	23.1	TT
23 0	Nguyễn Tiến	Sỹ	Nam	25/12/2004	Thanh Thủy	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Thủy	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.3	7.0	7.1	21.4	0.75	22.2	TT
23 1	Nguyễn Văn	Tài	Nam	26/02/2001	Phú Sơn	Ninh Bình	Dược	THCS&THPT Trần Quốc Tuấn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	3	0			A00	6.7	8.4	7.6	22.7	0	22.7	TT
23 2	Đỗ Thị Thanh	Tâm	Nữ	13/08/2007	Bạch Xá	Tuyên Quang	Dược	THPT Phù Lưu	Hàm Yên	Tuyên quang	1	0.75			C00	6.1	7.4	7.0	20.5	0.75	21.3	TT
23 3	Võ Minh	Tâm	Nam	26/11/1999	Cát Ngạn	Nghệ An	Dược	THPT Thanh Chương 3	Thanh Chương	Nghệ An	1	0.75			A00	7.3	8.5	7.2	23.0	0.75	23.8	TT
23 4	Nguyễn Hữu	Tâm	Nam	06/04/2006	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Dược	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	8.0	6.9	7.2	22.1	0.75	22.9	TT
23 5	Hà Trần	Tiến	Nam	27/07/2006	Vạn Xuân	Phú Thọ	Dược	THPT Mỹ Văn	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.1	6.3	6.9	19.3	0.75	20.1	TT
23 6	Trần Văn	Toàn	Nam	25/07/2004	Chân Mộng	Phú Thọ	Dược	GDNN- GDTX Đoàn Hùng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.1	7.9	7.7	21.7	0.75	22.5	TT

23 7	Trần Vương	Tú	Na m	05/09/200 2	Nông Trang	Phú Thọ	Dược	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.4	7.9	7.8	22.1	0.25	22.4	TT
23 8	Lê Ngọc	Tuấn	Na m	09/05/200 7	Hy Cương	Phú Thọ	Dược	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2N T	0.5			C00	7.6	8.1	7.8	23.5	0.5	24.0	TT
23 9	Nguyễn Minh	Tuấn	Na m	07/8/2007	Thục Phán	Cao Bằng	Dược	THPT Cao Bình	TP. Cao Bằng	Cao Bằng	1	0.75			C00	7.7	7.5	7.9	23.1	0.75	23.9	TT
24 0	Trần Thị	Tuyền	Nữ	01/03/200 7	Yên Thành	Lào Cai	Dược	THPT Cẩm Nhân	Yên Bình	Yên Bái	1	0.75			A00	6.5	7.8	6.9	21.2	0.75	22.0	TT
24 1	Hà Thị	Tuyết	Nữ	11/07/200 7	Hải Lựu	Phú Thọ	Dược	THPT Bình Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.3	8.1	7.3	22.7	0.75	23.5	TT
24 2	Đình Thị Ánh	Tuyết	Nữ	15/12/200 6	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Dược	THPT Sông Lô	Sông Lô	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.4	8.5	7	22.9	0.75	23.7	TT
24 3	Nguyễn Duy Phúc	Từ	Na m	16/07/200 7	Sa Pa	Lào Cai	Dược	THPT số 1 TX Sa Pa	Sa Pa	Lào Cai	1	0.75			A00	5.7	5.6	5.6	16.9	0.75	17.7	TT
24 4	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	01/01/199 9	TP Hòa Bình	Hòa Bình	Dược	THPT Phú Cường	TP Hòa Bình	Hòa Bình	1	0.75			A00	6.2	6.4	6.6	19.2	0.75	20.0	TT
24 5	Quan Thị	Tươi	Nữ	01/10/199 4	Cô Ba	Cao Bằng	Dược	THPT Bảo Lạc	Bảo Lạc	Cao Bằng	1	0.75			A00	6.6	6.1	7.0	19.7	0.75	20.5	TT
24 6	Nguyễn Đức	Thái	Na m	23/02/200 7	Như Quỳnh	Hưng Yên	Dược	THPT Nguyễn Tất Thành	Như Quỳnh	Hưng Yên	2N T	0.5			C00	7.5	8.2	8.3	24.0	0.5	24.5	TT
24 7	Phạm Tuấn	Thành	Na m	15/02/200 4	Đoan Hùng	Phú Thọ	Dược	THPT Đoàn Hùng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.1	6.0	5.4	16.5	0.75	17.3	TT
24 8	Đình Phương	Thảo	Nữ	26/4/2007	Tu Vũ	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.2	9.0	6.4	21.6	0.75	22.4	TT
24 9	Vũ Như	Thảo	Nữ	13/12/200 6	Yên Sơn	Tuyên Quang	Dược	THPT Hương Cẩn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.8	7.1	8.8	22.7	0.75	23.5	TT
25 0	Đỗ Thị Phương	Thảo	Nữ	04/09/200 7	Chí Đám	Phú Thọ	Dược	THPT Đoàn Hùng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.6	6.7	7.5	20.8	0.75	21.6	TT
25 1	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	09/11/200 7	Phú Khê	Phú Thọ	Dược	THPT Cẩm Khê	Cẩm Khê	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.9	7.8	8.6	24.3	0.75	25.1	TT

25 2	Cao Phương	Thảo	Nữ	12/04/2006	Việt Trì	Phú Thọ	Dược	THPT Herman Gmeiner	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.7	7.6	8.1	22.4	0.25	22.7	TT
25 3	Phạm Thanh	Thảo	Nữ	22/4/2007	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.5	5.6	5.6	16.7	0.75	17.5	TT
25 4	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	29/05/2007	Yên Thành	Tuyên Quang	Dược	THPT Quang Bình	Quang Bình	Hà Giang	1	0.75			C00	7.9	8.2	8.3	24.4	0.75	25.2	TT
25 5	Phạm Thanh	Thảo	Nữ	12/08/2007	Trần Yên	Lào Cai	Dược	GDNN-GDTX huyện Trần Yên	Trần Yên	Yên Bái	1	0.75			C00	6.7	6.9	6.5	20.1	0.75	20.9	TT
25 6	Tạ Hồng	Thắm	Nữ	15/11/2007	Đông Thành	Phú Thọ	Dược	THPT Thanh Ba	Thanh Ba	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.9	7.6	7.5	23.0	0.75	23.8	TT
25 7	Trần Đắc Minh	Thiên	Nam	17/11/2007	An Phú Đông	TP. Hồ Chí Minh	Dược	GDTX tỉnh Bình Phước	TX. Đồng Xoài	Bình Phước	1	0.75			A00	5.6	6.9	7.4	19.9	0.75	20.7	TT
25 8	Nguyễn Đình	Thông	Nam	27/06/1998	Hạ Hòa	Phú Thọ	Dược	THPT Hạ Hòa	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.9	5.8	6.4	18.1	0.75	18.9	TT
25 9	Trần Thị Hồng	Thơm	Nữ	19/9/2007	TP Lai Châu	Lai Châu	Dược	THPT TP Lai Châu	TP Lai Châu	Lai Châu	1	0.75			C00	8.3	8.3	8.2	24.8	0.75	25.6	TT
26 0	Ngọc Hoài	Thu	Nữ	18/07/2007	Văn Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Hương Cẩn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.6	7.3	7.6	20.5	0.75	21.3	TT
26 1	Lê Thị	Thu	Nữ	10/06/2007	Phú Mỹ	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTX huyện Phù Ninh	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.9	7.0	7.5	21.4	0.75	22.2	TT
26 2	Hà Lệ	Thu	Nữ	15/05/2007	Lai Động	Phú Thọ	Dược	THPT Tân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.8	7.0	6.5	20.3	0.75	21.1	TT
26 3	Lê Thị Mai	Thu	Nữ	24/11/1989	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Dược	THPT Lê Xoay	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	7.0	7.7	5.9	20.6	0.5	21.1	TT
26 4	Phan Đức	Thuận	Nam	01/01/1998	Chân Mộng	Phú Thọ	Dược	THPT Chân Mộng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.4	6.0	5.4	16.8	0.75	17.6	TT
26 5	Lưu Đức	Thuận	Nam	16/05/2005	Chương Dương	Hà Nội	Dược	GDNN - GDTX huyện Mỹ Đức	Mỹ Đức	Hà Nội	2	0.25			A00	8.6	9.8	9.4	27.8	0.25	28.1	TT
26 6	Lê Bảo	Thủy	Nữ	13/9/2007	Tam Sơn	Phú Thọ	Dược	THPT Sông Lô	Sông Lô	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.5	6.9	7.8	22.2	0.75	23.0	TT

26 7	Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	24/03/2007	Trần Yên	Lào Cai	Dược	THPT Lê Quý Đôn	Trần Yên	Yên Bái	1	0.75			A00	6.2	7.4	6.6	20.2	0.75	21.0	TT
26 8	Hà Thị Thanh	Thúy	Nữ	02/12/2007	Phú Thọ	Phú Thọ	Dược	THPT TX Phú Thọ	TX Phú Thọ	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.2	8.0	8.6	23.8	0.25	24.1	TT
26 9	Ngô Thị	Thúy	Nữ	05/03/1985	Tân Uyên	Lai Châu	Dược	TT GDNN-GDTEX Yên Định	Yên Định	Thanh Hóa	2NT	0.5			A00	7.3	8.0	7.6	22.9	0.5	23.4	TT
27 0	Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	03/01/2007	Thanh Liệt	Hà Nội	Dược	THPT Trần Hưng Đạo	Thanh Xuân	Hà Nội	3	0			C00	8.1	9.2	8.6	25.9	0	25.9	TT
27 1	Đào Thị Ngọc	Thư	Nữ	22/09/2007	Hợp Lý	Phú Thọ	Dược	GDNN-GDTEX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.7	8.3	7.4	23.4	0.75	24.2	TT
27 2	Ngô Thanh	Thư	Nữ	14/08/2007	Tiên Lữ	Phú Thọ	Dược	THPT Văn Quán	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.5	7.7	7.4	22.6	0.5	23.1	TT
27 3	Phùng Thị Minh	Thư	Nữ	11/06/2007	Xuân Đài	Phú Thọ	Dược	THPT Minh Đài	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.7	6.5	6.2	18.4	0.75	19.2	TT
27 4	Phạm Thị	Thương	Nữ	14/11/2003	Đoan Hùng	Phú Thọ	Dược	THPT Chân Mộng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.4	6.2	7.1	19.7	0.75	20.5	TT
27 5	Phan Thị Minh	Thương	Nữ	06/01/2007	Phùng Nguyễn	Phú Thọ	Dược	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2NT	0.5			C00	7.8	8.4	8.2	24.4	0.5	24.9	TT
27 6	Trần Thu	Trang	Nữ	19/11/1993	Minh Xuân	Tuyên Quang	Dược	THPT Xuân Huy	Minh Xuân	Tuyên Quang	1	0.75			B00	5.8	5.5	6.3	17.6	0.75	18.4	TT
27 7	Phan Thùy	Trang	Nữ	03/11/2006	Cổ Đô	Hà Nội	Dược	THPT Ngô Quyền	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	8.6	8.9	7.4	24.9	0.25	25.2	TT
27 8	Dương Kiều	Trang	Nữ	14/10/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.0	8.5	7.4	23.9	0.25	24.2	TT
27 9	Đặng Thị Thu	Trang	Nữ	01/4/2007	Chân Mộng	Phú Thọ	Dược	THPT Chân Mộng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.1	8.6	6.5	22.2	0.75	23.0	TT
28 0	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	Nữ	30/8/2006	Yên Thành	Tuyên Quang	Dược	THPT Quang Bình	Quang Bình	Hà Giang	1	0.75			A00	6.5	7.3	6.8	20.6	0.75	21.4	TT
28 1	Đỗ Thị Thùy	Trang	Nữ	03/06/1999	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Phù Ninh	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.7	7.5	7.2	21.4	0.75	22.2	TT

28 2	Nguyễn Thị Thủy	Trang	Nữ	21/12/2006	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Dược	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	6.7	6.8	7.7	21.2	0.75	22.0	TT
28 3	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	22/10/2007	Hy Cương	Phú Thọ	Dược	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.4	7.8	8.0	24.2	0.25	24.5	TT
28 4	Lò Kiều	Trâm	Nữ	18/10/2007	Phong Thổ	Lai Châu	Dược	THPT Phong Thổ	Phong Thổ	Lai Châu	1	0.75			D00	6.3	6.5	6.3	19.1	0.75	19.9	TT
28 5	Nguyễn Ngọc Huyền	Trâm	Nữ	27/12/2007	Xuân Đài	Phú Thọ	Dược	THPT Minh Đài	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.6	8.2	8.1	23.9	0.75	24.7	TT
28 6	Trương Việt	Trình	Nữ	08/11/1993	Sơn Dương	Tuyên Quang	Dược	THPT Tân Trào	Tân Trào	Tuyên Quang	1	0.75			A00	5.1	6.3	6.2	17.6	0.75	18.4	TT
28 7	Phạm Thanh	Trúc	Nữ	17/05/2006	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Dược	PTDNTN THCS THPT Chiêm Hóa	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	1	0.75			A00	6.7	6.6	8.4	21.7	0.75	22.5	TT
28 8	Nguyễn Hoàng	Trương	Nam	22/06/2006	Phụ Mỹ	Phú Thọ	Dược	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.7	6.9	6.0	18.6	0.75	19.4	TT
28 9	Hoàng Thế	Trương	Nam	13/10/2004	Vạn Xuân	Phú Thọ	Dược	THPT Mỹ Văn	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.2	7.2	7.1	20.5	0.75	21.3	TT
29 0	Nguyễn Xuân	Trương	Nam	06/03/1987	Võ Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT BC Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.7	4.9	6.2	16.8	0.75	17.6	TT
29 1	Nguyễn Ngọc Tú	Uyên	Nữ	13/04/2007	Nam Cường	Lào Cai	Dược	THPT Lê Quý Đôn	Trần Yên	Yên Bái	1	0.75			A00	7.3	7.0	7.0	21.3	0.75	22.1	TT
29 2	Hà Thị Thanh	Uyên	Nữ	07/9/2007	Thanh Sơn	Phú Thọ	Dược	TTGDNN-GDTX Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.7	8.2	7.3	21.2	0.75	22.0	TT
29 3	Lê Thị	Uyên	Nữ	09/03/2007	Hy Cương	Phú Thọ	Dược	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2N T	0.5			C00	7.3	8.2	8.5	24.0	0.5	24.5	TT
29 4	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	21/02/2007	Tiên Lương	Phú Thọ	Dược	THPT Phương Xá	Cẩm Khê	Phú Thọ	2N T	0.5			C00	9.2	8.3	8.4	25.9	0.5	26.4	TT
29 5	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Nữ	26/12/2007	Chí Đám	Phú Thọ	Dược	TT GDNN-GDTX Huyện Đoan Hùng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.3	7.9	7.5	21.7	0.75	22.5	TT
29 6	Trần Thị Thảo	Vân	Nữ	22/10/2005	Thác Bà	Lào Cai	Dược	THPT Thác Bà	Yên Bình	Yên Bái	1	0.75			A00	6.7	7.5	7.2	21.4	0.75	22.2	TT

29 7	Hà Thúy	Vân	Nữ	19/08/2007	Cầu Thia	Lào Cai	Dược	THPT TX Nghĩa Lộ	Nghĩa Lộ	Yên Bái	1	0.75			C00	7.7	7.0	7.4	22.1	0.75	22.9	TT
29 8	Bê Thị Hồng	Vân	Nữ	24/02/2007	Ngọc Đường	Tuyên Quang	Dược	THPT Ngọc Hà	TP. Hà Giang	Hà Giang	1	0.75			A00	7.9	6.4	6.8	21.1	0.75	21.9	TT
29 9	Lê Thị Thanh	Vân	Nữ	30/9/2007	Hải Lựu	Phú Thọ	Dược	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	7.5	7.2	7.5	22.2	0.5	22.7	TT
30 0	Nguyễn Hà	Vi	Nữ	03/9/2007	Tam Dương	Phú Thọ	Dược	THPT Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			C00	7.5	7.9	7.0	22.4	0.5	22.9	TT
30 1	Nguyễn Ngọc	Vinh	Nam	21/05/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Herman	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	8.0	7.5	8.0	23.5	0.25	23.8	TT
30 2	Nguyễn Thanh	Xuân	Nữ	10/6/2005	Phù Ninh	Phú Thọ	Dược	THPT Phù Ninh	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.5	7.5	6.5	20.5	0.75	21.3	TT
30 3	Trịnh Ngọc Hương	Xuân	Nữ	05/1/1997	Thanh Miếu	Phú Thọ	Dược	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.0	8.8	8.5	24.3	0.25	24.6	TT
30 4	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	19/10/2006	Yên Lạc	Phú Thọ	Dược	GDNN-GD TX Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2N T	0.5			A00	6.9	7.3	7.5	21.7	0.5	22.2	TT

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ HĐTS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025**NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA (YSDK)***(Kèm theo Quyết định số 484 /QĐ-CDYD ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2025)*

TT	Họ và đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Hộ khẩu		Ngành học	Trường THPT Lớp 12			Khu vực	Điểm KV	ĐT	Điểm UT	Khối xét	Điểm lớp 12			TBC	ĐIỂM UT	ĐIỂM XT	KQ
								Tên trường	Địa chỉ							M1	M2	M3				
1	Hà Thị Kim	Anh	Nữ	22/7/2006	Phong Thổ	Lai Châu	YSDK	THPT Phong Thổ	Phong Thổ	Lai Châu	1	0.75			A00	7.7	8.2	7.9	23.8	0.75	24.55	TT
2	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	19/4/2006	Phù Ninh	Phú Thọ	YSDK	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	7.1	8.0	7.3	22.4	0.5	22.9	TT
3	Phương Ngọc	Anh	Nữ	05/11/2007	Cổ Đô	Hà Nội	YSDK	TTGDNN-GDTC huyện Ba Vì	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	7.8	9.2	9.1	26.1	0.25	26.35	TT
4	Đặng Phương	Anh	Nữ	16/09/2007	Yên Bình	Lào Cai	YSDK	THPT Trần Nhật Duật	Yên Bình	Yên Bái	1	0.75			C00	7.6	7.7	7.6	22.9	0.75	23.65	TT
5	Phan Đức	Anh	Nam	28/11/2007	Mèo Vạc	Tuyên Quang	YSDK	THPT Mèo Vạc	Mèo Vạc	Hà Giang	1	0.75			A00	6.2	7.2	6.2	19.6	0.75	20.35	TT
6	Phan Việt	Anh	Nam	28/11/2007	Mèo Vạc	Tuyên Quang	YSDK	THPT Mèo Vạc	Mèo Vạc	Hà Giang	1	0.75			A00	6.9	7.5	7.0	21.4	0.75	22.15	TT
7	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	24/04/1987	Quảng Oai	Hà Nội	YSDK	THPT Quảng Oai	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	6.2	7.0	6.0	19.2	0.25	19.45	TT
8	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	22/03/1987	Đại Phúc	Thái Nguyên	YSDK	TT GDTC Đại Từ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			A00	6.0	5.6	5.6	17.2	0.75	17.95	TT
9	Trần Việt	Anh	Nữ	20/08/1987	Kim Phượng	Thái Nguyên	YSDK	THPT Bình Yên	Định Hóa	Thái Nguyên	1	0.75			A00	7.0	6.7	5.9	19.6	0.75	20.35	TT
10	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	28/06/1991	Bảo Thắng	Lào Cai	YSDK	THPT Số 1 Bảo Thắng	Bảo Thắng	Lào Cai	1	0.75			C00	5.0	7.1	5.6	17.7	0.75	18.45	TT
11	Nguyễn Đông	Anh	Nam	27/06/2000	Tu Vũ	Phú Thọ	YSDK	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.5	8.1	8.3	22.9	0.75	23.65	TT
12	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	19/12/1997	Sông Lô	Phú Thọ	YSDK	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.1	6.8	6.2	20.1	0.5	20.6	TT
13	Nguyễn Việt	Anh	Nữ	29/01/1993	Lâm Thao	Phú Thọ	YSDK	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.6	5.4	6.3	17.3	0.75	18.05	TT
14	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	15/05/1997	Yên Lập	Phú Thọ	YSDK	THPT Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	8.9	7.4	8.0	24.3	0.75	25.05	TT
15	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	25/10/1983	Cổ Đô	Hà Nội	YSDK	THPT Ngô Quyền	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	5.1	5.9	5.7	16.7	0.25	16.95	TT
16	Lê Thị Nguyệt	Ánh	Nữ	01/06/1999	Lập Thạch	Phú Thọ	YSDK	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	8.3	6.8	7.5	22.6	0.5	23.1	TT
17	Lêng Thị	Bé	Nữ	10/10/1989	Thanh Mai	Thái Nguyên	YSDK	THPT Phú Thông	Bạch Thông	Bắc Kạn	1	0.75			A00	6.1	5.1	6.1	17.3	0.75	18.05	TT
18	Hoàng Thị	Bền	Nữ	27/12/1985	Trần Phú	Thái Nguyên	YSDK	THPT Na Ri	Na Ri	Bắc Kạn	1	0.75			A00	5.9	6.5	5.8	18.2	0.75	18.95	TT
19	Lê Cao Thiên	Bình	Nam	24/01/2006	Thanh Ba	Phú Thọ	YSDK	THPT Yên Khê	Thanh Ba	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.0	6.5	6.6	18.1	0.75	18.85	TT
20	Khổng Kim	Chi	Nữ	09/05/2006	Sông Lô	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Trần Nguyên Hãn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.0	5.6	6.0	17.6	0.5	18.1	TT
21	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	03/12/2007	Việt Trì	Phú Thọ	YSDK	TT KTHH-HN tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.1	7.7	8.0	23.8	0.25	24.05	TT

22	Nguyễn Quỳnh	Chi	Nữ	01/09/2007	Sơn Lương	Phú Thọ	YSDK	THPT Lương Sơn	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	8.0	7.3	8.0	23.3	0.75	24.05	TT
23	Bùi Thị	Chinh	Nữ	08/07/1988	Mường Bì	Phú Thọ	YSDK	THPT Mường Bì	Tân Lạc	Hòa Bình	1	0.75			A00	7.2	6.4	7.0	20.6	0.75	21.35	TT
24	Khổng Thị	Chúc	Nữ	31/12/2006	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0			A00	6.4	6.7	7.4	20.5	0	20.5	TT
25	Nông Thị	Dần	Nữ	05/04/1990	Đồng Phúc	Thái Nguyên	YSDK	THPT Chợ Đồn	Chợ Đồn	Bắc Kạn	1	0.75			B00	4.2	5.5	5.4	15.1	0.75	15.85	TT
26	Long Thị	Dắt	Nữ	12/09/1987	Na Ri	Thái Nguyên	YSDK	THPT Nà Phặc	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75			A00	5.7	6.1	5.1	16.9	0.75	17.65	TT
27	Bùi Thị	Diên	Nữ	30/04/1987	Hợp Kim	Phú Thọ	YSDK	THPT Lạc Sơn	Lạc Sơn	Hòa Bình	1	0.75			B00	5.5	5.8	6.1	17.4	0.75	18.15	TT
28	Lê Quang	Dinh	Nam	29/05/1999	Tam Dương	Vĩnh Phúc	YSDK	Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	7.2	8.0	7.6	22.8	0.25	23.05	TT
29	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	9/4/2006	Việt Trì	Phú Thọ	YSDK	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0			A00	7.2	7.8	8.4	23.4	0	23.4	TT
30	Nguyễn Thị Thúy	Dung	Nữ	06/01/1980	Đoài Phương	Hà Nội	YSDK	THPT Tùng Thiện	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			A00	5.2	6.4	5.5	17.1	0.25	17.35	TT
31	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	23/10/1993	Đại Phúc	Thái Nguyên	YSDK	THPT Đại Từ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			A00	7.7	7.4	7.8	22.9	0.75	23.65	TT
32	Hà Tiến	Dũng	Nam	06/11/1990	Ba Vì	Hà Nội	YSDK	THPT Ba Vì	Ba Vì	Hà Nội	1	0.75			A00	5.0	4.9	4.8	14.7	0.75	15.45	TT
33	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	05/08/1989	Cầm Khê	Phú Thọ	YSDK	THPT Hiền Đa	Cầm Khê	Phú Thọ	2NT	0.5			A05	4.5	5.7	5.1	15.3	0.5	15.8	TT
34	Bùi Tiến	Dũng	Nam	11/03/2001	Trường Sinh	Tuyên Quang	YSDK	THPT Kim Xuyên	Sơn Dương	Tuyên quang	1	0.75			A00	5.9	6.5	6.1	18.5	0.75	19.25	TT
35	Bùi Ngọc	Duy	Nam	19/06/1986	Hợp Kim	Phú Thọ	YSDK	THPT Kim Bôi	Kim Bôi	Hòa Bình	1	0.75			A00	5.0	5.8	5.3	16.1	0.75	16.85	TT
36	Mạc Thị	Duyên	Nữ	27/12/2006	Bắc Quang	Hà Giang	YSDK	THPT Đồng Yên-	Bắc Quang	Hà Giang	1	0			A00	7.2	8.1	7.2	22.5	0	22.5	TT
37	Nguyễn Bảo	Dương	Nam	12/10/2006	Văn Miếu	Phú Thọ	YSDK	THPT Văn Miếu	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.8	6.2	6.5	18.5	0.75	19.25	TT
38	Nguyễn Đăng	Dương	Nam	30/09/2007	Thống Nhất	Phú Thọ	YSDK	TTGDTX tỉnh Hòa Bình	TP. Hòa Bình	Hòa Bình	1	0.75			B00	6.9	7.4	7.1	21.4	0.75	22.15	TT
39	Đỗ Hồng	Đăng	Nữ	25/02/2000	Văn Lang	Phú Thọ	YSDK	THPT Hạ Hòa	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.2	6.0	8.1	21.3	0.75	22.05	TT
40	Bùi Trọng	Điểm	Nam	01/12/1985	Đồng Lương	Phú Thọ	YSDK	THPT Hiền Đa	Cầm Khê	Phú Thọ	2NT	0.5			B00	5.0	5.9	6.2	17.1	0.5	17.6	TT
41	Khổng Trung	Đức	Nam	10/09/2007	Vĩnh Hưng	Phú Thọ	YSDK	GDNN- GDTX Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.8	7.9	8.2	23.9	0.5	24.4	TT
42	Hoàng Thị	Hà	Nữ	01/01/1984	Nà Phặc	Thái Nguyên	YSDK	THPT Nà Phặc	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75			B00	5.4	5.5	6.5	17.4	0.75	18.15	TT
43	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	08/07/1988	Yên Xuân	Hà Nội	YSDK	THPT Bắc Lương Sơn	Lương Sơn	Hòa Bình	1	0.75			A00	5.7	6.0	6.3	18	0.75	18.75	TT
44	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	17/02/1986	Tam Sơn	Phú Thọ	YSDK	PTTH Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	6.6	7.6	6.3	20.5	0.5	21	TT
45	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	22/4/2006	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	YSDK	TT GDTX Tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	6.4	7.9	7.4	21.7	0.25	21.95	TT
46	Trần Thị	Hải	Nữ	01/07/1979	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Liễu Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	5.9	5.5	6.3	17.7	0.75	18.45	TT

47	Phạm Thị	Hạnh	Nữ	17/02/1990	Bảo Thắng	Lào Cai	YSĐK	THPT Số 3 Bảo Thắng	Bảo Thắng	Lào Cai	1	0.75			C00	5.8	5.9	7.7	19.4	0.75	20.15	TT
48	Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	18/06/1976	Phú Diễn	Hà Nội	YSĐK	THPT Xuân Đình	Từ Liêm	Hà Nội	2	0.25			C00	5.0	7.1	6.1	18.2	0.25	18.45	TT
49	Dương Thanh	Hằng	Nữ	2/6/2006	Đoan Hùng	Phú Thọ	YSĐK	THPT Quế Lâm	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0			A00	8.2	8.2	7.3	23.7	0	23.7	TT
50	Đình Thu	Hằng	Nữ	19/08/2007	Bình Xuyên	Phú Thọ	YSĐK	GDNN-GDTX Bình Xuyên	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	7.5	8.0	7.4	22.9	0.5	23.4	TT
51	Thiều Thị Như	Hằng	Nữ	30/10/1989	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	YSĐK	THPT Bán công Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	5.0	6.5	6.0	17.5	0.5	18	TT
52	Bùi Thị	Hằng	Nữ	08/05/1989	Kim Bôi	Phú Thọ	YSĐK	THPT Kim Bôi	Kim Bôi	Hòa Bình	1	0.75			B00	5.6	5.7	6.0	17.3	0.75	18.05	TT
53	Đặng Hải	Hậu	Nữ	24/04/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	YSĐK	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.5	8.0	7.3	22.8	0.25	23.05	TT
54	Phạm Thị	Hiền	Nữ	20/01/1980	Quảng Oai	Hà Nội	YSĐK	TT GDNN-GDTX Thái Hòa	TX Thái Hòa	Nghệ An	2	0.25			A00	5.1	6.3	6.2	17.6	0.25	17.85	TT
55	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	24/03/1994	Tân Sơn	Phú Thọ	YSĐK	THPT Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.8	6.0	6.6	20.4	0.75	21.15	TT
56	Hà Văn	Hiền	Nam	04/06/1982	Tam Sơn	Phú Thọ	YSĐK	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	5.1	6.0	5.6	16.7	0.5	17.2	TT
57	Lê Duy	Hiếu	Nam	06/02/2007	Thổ Tang	Phú Thọ	YSĐK	THPT Lê Xoay	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.8	6.7	7.1	20.6	0.5	21.1	TT
58	Nguyễn Mạnh	Hiếu	Nam	31/07/2007	Lập Thạch	Phú Thọ	YSĐK	GDNN-GDTX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.4	7.8	7.5	22.7	0.75	23.45	TT
59	Phạm Thị Thanh	Hoa	Nữ	03/12/1989	Thổ Tang	Phú Thọ	YSĐK	THPT Lê Xoay	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	6.7	6.8	7.0	20.5	0.5	21	TT
60	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	21/08/1988	Đoài Phương	Hà Nội	YSĐK	THPT Tùng Thiện	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			A00	5.8	5.4	5.1	16.3	0.25	16.55	TT
61	Phan Kim	Hoàng	Nam	26/09/2006	Bắc Hà	Lào Cai	YSĐK	THPT Số 2 Bắc Hà	Bắc Hà	Lào Cai	1	0			A00	6.5	7.6	6.4	20.5	0	20.5	TT
62	Bùi Minh	Hoàng	Nữ	05/09/2007	Mường Bi	Phú Thọ	YSĐK	THPT Mường Bi	Tân Lạc	Hòa Bình	1	0.75			C00	6.8	6.7	6.3	19.8	0.75	20.55	TT
63	Trần Minh	Hoàng	Nam	29/9/2006	Nông Trang	Phú Thọ	YSĐK	GDTX tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.7	8.6	8.0	24.3	0.25	24.55	TT
64	Tổng Quang	Hồng	Nam	10/06/1979	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	YSĐK	THPT Liễu Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	5.2	6.3	6.1	17.6	0.75	18.35	TT
65	Trần Thị	Hồng	Nữ	26/08/1994	Vĩnh Yên	Phú Thọ	YSĐK	THPT Đội Cấn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.4	7.5	6.9	21.8	0.5	22.3	TT
66	Doanh Thiêm	Hợp	Nữ	23/07/1990	Ngân Sơn	Thái Nguyên	YSĐK	THPT Ngân Sơn	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75			A00	5.3	4.8	6.1	16.2	0.75	16.95	TT
67	Đỗ Thị	Huế	Nữ	06/08/1987	Mình Châu	Hà Nội	YSĐK	THPT Quảng Oai	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	6.8	6.4	6.6	19.8	0.25	20.05	TT
68	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	01/08/2007	Hải Lựu	Phú Thọ	YSĐK	TTGDNN-GDTX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.3	7.2	7.3	21.8	0.75	22.55	TT
69	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	19/02/1981	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSĐK	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.1	6.1	6.6	19.8	0.75	20.55	TT
70	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	19/08/1991	Phú lạc	Thái Nguyên	YSĐK	THPT Đại Từ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			C00	5.2	7.1	7.6	19.9	0.75	20.65	TT
71	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	16/01/1996	Tam Nông	Phú Thọ	YSĐK	THPT Mỹ Văn	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.8	6.8	6.9	19.5	0.75	20.25	TT

72	Đinh Thị	Huy	Nữ	07/04/1990	Thanh son	Phú Thọ	YSDK	PTDT Nội trú tỉnh Phú Thọ	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.1	5.3	5.9	16.3	0.75	17.05	TT
73	Nguyễn Minh	Huy	Nam	08/10/2006	Chân Mộng	Phú Thọ	YSDK	TT GDNN GDTX Đoàn Hùng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.7	7.9	8.8	23.4	0.75	24.15	TT
74	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	21/06/2007	Xuân Vân	Tuyên Quang	YSDK	THPT Xuân Vân	Yên Sơn	Tuyên quang	1	0.75			D00	5.7	7.2	7.9	20.8	0.75	21.55	TT
75	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/11/1986	Đông Anh	Hà Nội	YSDK	THPT Cổ Loa	Đông Anh	Hà Nội	2	0.25			A00	8.4	8.1	8.1	24.6	0.25	24.85	TT
76	Nguyễn Đức	Hung	Nam	09/12/2007	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	YSDK	THPT Kim Ngọc	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	7.1	6.4	8.2	21.7	0.25	21.95	TT
77	Trịnh Thu	Hương	Nữ	18/09/1987	Đại Phúc	Thái Nguyên	YSDK	THPT Đại Từ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			C00	5.4	5.5	6.6	17.5	0.75	18.25	TT
78	Bùi Thị Lan	Hương	Nữ	16/07/1989	La Bằng	Thái Nguyên	YSDK	THPT Nguyễn Huệ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			C00	5.1	6.4	5.2	16.7	0.75	17.45	TT
79	Nguyễn Thị Giang	Hương	Nữ	27/09/2004	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	YSDK	GDNN GDTX Bình Xuyên	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.4	8.4	7.4	22.2	0.5	22.7	TT
80	Tạ Thị Thu	Hương	Nữ	04/04/1984	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	6.3	6.0	6.9	19.2	0.75	19.95	TT
81	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	11/6/1986	Thư Lâm	Hà Nội	YSDK	THPT Nguyễn Tất Thành	Cầu Giấy	Hà Nội	3	0			A00	6.5	5.9	8.1	20.5	0	20.5	TT
82	Trần Thị	Hường	Nữ	13/02/1989	Sông Lô	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Bình Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	6.2	5.0	6.4	17.6	0.75	18.35	TT
83	Ma Thị	Kiều	Nữ	06/02/1992	Trần Phú	Thái Nguyên	YSDK	THPT Na Ri	Na Ri	Bắc Kạn	1	0.75			C00	5.3	5.2	4.4	14.9	0.75	15.65	TT
84	Ma Đình	Khánh	Nam	27/11/1990	Yên Thịnh	Thái Nguyên	YSDK	THPT Chợ Đồn	Chợ Đồn	Bắc Kạn	1	0.75			B01	4.0	5.0	6.0	15	0.75	15.75	TT
85	Dương Quốc	Khánh	Nam	13/2/2006	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSDK	TT GDNN GDTX Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7	7.8	7.4	22.2	0.5	22.7	TT
86	Bùi Thị	Khiếu	Nữ	01/11/1989	Hợp Kim	Phú Thọ	YSDK	TT GDTX Kim Bôi	Kim Bôi	Hòa Bình	1	0.75			B00	6.6	4.9	6.4	17.9	0.75	18.65	TT
87	Vàng A	Kho	Nam	15/12/2007	Hung Khánh	Lào Cai	YSDK	PT DTNT THPT tỉnh Yên Bái	Trần Yên	Yên Bái	1	0.75			C00	7.4	6.9	6.5	20.8	0.75	21.55	TT
88	Nguyễn Đức	Khoa	Nam	10/04/1991	Bảo Hà	Phú Thọ	YSDK	THPT số 2 Bảo Yên	Bảo Yên	Lào Cai	1	0.75			B00	6.3	4.9	5.0	16.2	0.75	16.95	TT
89	Trần Thị	Lài	Nữ	12/11/1999	Kim Bảng	Nghệ An	YSDK	THPT Đặng Thai Mai	Thanh Chương	Nghệ An	2NT	0.5			A00	8.7	7.4	9.1	25.2	0.5	25.7	TT
90	Lý Thị	Lam	Nữ	07/12/1992	Na Ri	Thái Nguyên	YSDK	THPT Na Ri	Na Ri	Bắc Kạn	1	0.75			A00	6.9	6.6	8.1	21.6	0.75	22.35	TT
91	Phùng Thị Ngọc	Lan	Nữ	30/3/2006	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Đội Cấn	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6,5	7,3	7,1	#####	0.5	#####	TT
92	Trần Thị Phương	Lan	Nữ	22/01/1980	Thạch Thất	Hà Nội	YSDK	THPT Chuyên ban Sơn Tây	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			A00	6.2	5.3	7.4	18.9	0.25	19.15	TT
93	Lê Thị Ngọc	Lan	Nữ	16/01/2005	Nà Hang	Tuyên Quang	YSDK	THPT Na Hang	Na Hang	Tuyên quang	1	0.75			C00	7.1	7.1	7.4	21.6	0.75	22.35	TT
94	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	29/09/1989	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	YSDK	THPT BC Nguyễn Thái Học	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	6.7	7.5	7.3	21.5	0.25	21.75	TT
95	Bùi Thị	Lan	Nữ	31/10/1991	Mường Động	Phú Thọ	YSDK	THPT 19/5 Kim Bôi	Kim Bôi	Hòa Bình	1	0.75			A00	6.6	7.0	6.3	19.9	0.75	20.65	TT
96	Phan Phúc	Lâm	Nam	18/6/2007	Tam Nông	Phú Thọ	YSDK	THPT Hưng Hóa	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.6	8.1	8.2	22.9	0.75	23.65	TT

97	Dương Tiến	Lâm	Nam	18/07/1985	Bình Xuyên	Phú Thọ	YSDK	THPT Bình Xuyên	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.2	6.5	6.3	19	0.5	19.5	TT
98	Lý Thị	Lập	Nữ	09/05/1984	Nà Phặc	Thái Nguyên	YSDK	THPT Nà Phặc	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75			A00	5.0	5.3	6.1	16.4	0.75	17.15	TT
99	Vương Thị	Liên	Nữ	29/05/1996	Bảng Vân	Thái Nguyên	YSDK	THPT Thông Nông	Thông Nông	Cao Bằng	1	0.75			A00	7.0	6.8	8.6	22.4	0.75	23.15	TT
100	Mông Mai	Liên	Nữ	29/06/1987	Phú Thịnh	Thái Nguyên	YSDK	THPT Đại Từ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			A00	5.2	6.6	5.0	16.8	0.75	17.55	TT
101	Mai Thị	Liên	Nữ	16/08/1990	Tân Sơn	Phú Thọ	YSDK	THPT Hòa Phú	Chiêm Hóa	Tuyên quang	1	0.75			A00	7.1	6.9	5.9	19.9	0.75	20.65	TT
102	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23/08/2006	Thác Bà	Lào Cai	YSDK	THPT Thác Bà	Yên Bình	Yên Bái	1	0.75			A00	6.5	7.5	7.7	21.7	0.75	22.45	TT
103	Nguyễn Tú	Linh	Nữ	04/11/2006	Phù Ninh	Phú Thọ	YSDK	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	8	8.1	8.3	24.4	0.5	24.9	TT
104	Đặng Ngọc	Linh	Nữ	24/9/2006	Thạch Thất	Hà Nội	YSDK	THPT Hai Bà Trưng	Thạch Thất	Hà Nội	2	0			A00	7.2	7.2	7.4	21.8	0	21.8	TT
105	Trần Mai	Linh	Nữ	7/8/2006	TX Phú Thọ	Phú Thọ	YSDK	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0			A00	7	6.9	7	20.9	0	20.9	TT
106	Ngô Thị Thủy	Linh	Nữ	03/1/2005	Thanh Sơn	Phú Thọ	YSDK	THPT Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0			A00	7.5	7.4	7.7	22.6	0	22.6	TT
107	Nguyễn Thị Thủy	Linh	Nữ	08/06/2006	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSDK	TT GDNN-GDTC Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0			A00	7.6	7.3	7.5	22.4	0	22.4	TT
108	Nông Thị Thủy	Linh	Nữ	05/11/1992	Côn Minh	Thái Nguyên	YSDK	THPT DTNT Bắc Kạn	TX Bắc Kạn	Bắc Kạn	1	0.75			C00	6.6	6.0	6.9	19.5	0.75	20.25	TT
109	Trần Văn	Linh	Nam	07/06/1997	Tây Cốc	Phú Thọ	YSDK	THPT Quế Lâm	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	4.5	5.4	5.2	15.1	0.75	15.85	TT
110	Lê Thị	Linh	Nữ	02/01/1988	Vĩnh Thanh	Hà Nội	YSDK	THPT Cổ Loa	Đông Anh	Hà Nội	2	0.25			A00	6.9	5.3	6.0	18.2	0.25	18.45	TT
111	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	14/07/1987	Sông Lô	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT BC Triệu Thái	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	6.4	7.2	7.8	21.4	0.75	22.15	TT
112	Nguyễn Việt	Long	Nam	15/09/2004	Nông Trang	Phú Thọ	YSDK	THPT Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.0	6.4	7.5	19.9	0.25	20.15	TT
113	Đỗ Bảo	Lợi	Nam	03/03/2007	Tam Nông	Phú Thọ	YSDK	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2NT	0.5			C00	6.8	8.0	7.5	22.3	0.5	22.8	TT
114	Hồ Thị	Luận	Nữ	11/03/1990	Hồng Sơn	Tuyên Quang	YSDK	THPT Kim Xuyên	Sơn Dương	Tuyên quang	1	0.75			C00	5.7	6.2	7.0	18.9	0.75	19.65	TT
115	Nguyễn Tiến	Lực	Nam	12/11/1997	Đức Lương	Thái Nguyên	YSDK	THPT Nguyễn Huệ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			A00	4.4	5.1	6.7	16.2	0.75	16.95	TT
116	Nguyễn Đức	Lương	Nam	19/06/2007	Cổ Đô	Hà Nội	YSDK	THPT Lương Thế Vinh	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			B00	8.7	9.5	9.5	27.7	0.25	27.95	TT
117	Nguyễn Thị Hương	Ly	Nữ	08/07/2007	Dân Chủ	Phú Thọ	YSDK	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.7	8.2	7.8	23.7	0.75	24.45	TT
118	Hoàng Thị Thủy	Ly	Nữ	21/06/1990	Sông Lô	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	5.8	6.3	6.6	18.7	0.5	19.2	TT
119	Trần Thị	Mai	Nữ	09/10/1991	Bảo Thắng	Lào Cai	YSDK	THPT Bắc Hà A	Bảo Thắng	Lào Cai	1	0.75			C00	6.6	6.3	7.7	20.6	0.75	21.35	TT
120	Hà Thị	Mai	Nữ	02/01/1985	Tân Sơn	Phú Thọ	YSDK	THPT Cấp 2,3 Thạch Kiệt	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.5	6.4	6.8	19.7	0.75	20.45	TT
121	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	24/06/2007	Vân Phú	Phú Thọ	YSDK	THPT Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	8.2	8.0	8.6	24.8	0.25	25.05	TT
122	Đặng Đức	Mạnh	Nam	27/03/2003	Lâm Thao	Phú Thọ	YSDK	THPT Phong Châu	Lâm Thao	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.1	6.7	7.1	19.9	0.75	20.65	TT

123	Hoàng Đức	Mạnh	Nam	22/12/1991	Mường Thàng	Phú Thọ	YSĐK	THPT Cao Phong	Cao Phong	Hòa Bình	1	0.75			C00	5.6	5.7	5.7	17	0.75	17.75	TT
124	Lù Thị	Mùi	Nữ	13/04/1986	Bảo Thắng	Lào Cai	YSĐK	THPT Bảo Thắng	Bảo Thắng	Lào Cai	1	0.75			C00	4.4	4.9	7.1	16.4	0.75	17.15	TT
125	Nguyễn Đoàn Phương	Nam	Nam	01/01/2006	Cắm Khê	Phú Thọ	YSĐK	THPT Hiền Đa	Cắm Khê	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	6.8	7.2	6.6	20.6	0.5	21.1	TT
126	Trần Hoài	Nam	Nam	06/02/2004	Như Khê	Tuyên Quang	YSĐK	THPT Tháng 10	Yên Sơn	Tuyên quang	1	0.75			A00	8.2	8.8	8.5	25.5	0.75	26.25	TT
127	Đỗ Thành	Nam	Nam	22/09/1979	Yên Lăng	Phú Thọ	YSĐK	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	5.2	5.1	5.1	15.4	0.5	15.9	TT
128	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	Nữ	18/09/1990	Sông Lô	Vĩnh Phúc	YSĐK	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.3	6.6	6.8	20.7	0.75	21.45	TT
129	Triệu Thanh	Nga	Nữ	02/04/1990	Bạch Thông	Thái Nguyên	YSĐK	THPT Ngân Sơn	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75			A00	7.5	6.6	6.9	21	0.75	21.75	TT
130	Đỗ Thị	Nga	Nữ	16/08/1991	Hội Thịnh	Phú Thọ	YSĐK	THPT BC Triệu Thái	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	6.8	6.7	7.2	20.7	0.75	21.45	TT
131	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	30/10/1996	Thanh Ba	Phú Thọ	YSĐK	THPT Thanh Ba	Thanh Ba	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.6	6.7	7.5	19.8	0.75	20.55	TT
132	Phùng Quỳnh	Nga	Nữ	22/9/2000	Hàm Yên	Tuyên Quang	YSĐK	PTDTNT THPT tỉnh Tuyên Quang	TP. Tuyên Quang	Tuyên quang	1	0.75			A00	8.3	6.6	6.5	21.4	0.75	22.15	TT
133	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	24/08/1988	Phú Thọ	Phú Thọ	YSĐK	THPT Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.4	8.0	6.8	22.2	0.5	22.7	TT
134	Phùng Thị	Ngân	Nữ	14/07/1992	Ba Vì	Hà Nội	YSĐK	THPT Quảng Oai	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			C00	7.0	7.5	6.5	21	0.25	21.25	TT
135	Trần Lê Kim	Ngân	Nữ	5/1/2006	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	YSĐK	TT GDNN-GDTEX Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	5.8	7.7	6.8	20.3	0.75	21.05	TT
136	Lê Xuân	Nghĩa	Nam	15/04/1991	Hải Lựu	Phú Thọ	YSĐK	THPT Bình Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.2	7.4	7.5	22.1	0.75	22.85	TT
137	Vi Thị	Ngoạn	Nữ	08/10/1989	Đức Nhân	Phú Thọ	YSĐK	THPT Mường Chiềng	Đà Bắc	Hòa Bình	1	0.75			A00	7.5	6.8	6.8	21.1	0.75	21.85	TT
138	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	04/6/2007	Tiên Lữ	Phú Thọ	YSĐK	GDNN-GDTEX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.5	7.9	7.9	23.3	0.75	24.05	TT
139	Lê Thanh	Ngọc	Nữ	21/09/1988	Phú Xuyên	Thái Nguyên	YSĐK	THPT Nguyễn Huệ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			C00	7.1	7.3	7.0	21.4	0.75	22.15	TT
140	Lê Thị Mai	Ngọc	Nữ	19/11/1982	Đông Anh	Hà Nội	YSĐK	TTGDTEX Đông Anh	Đông Anh	Hà Nội	2	0.25			A00	7.2	6.9	6.2	20.3	0.25	20.55	TT
141	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	08/09/2006	Cắm Khê	Phú Thọ	YSĐK	THPT Hiền Đa	Cắm Khê	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	6.5	7.1	6.9	20.5	0.5	21.00	TT
142	Nguyễn Thị Thùy	Nguyên	Nữ	23/02/1982	Mình Châu	Hà Nội	YSĐK	THPT Bất Bạt	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	7.6	7.4	6.8	21.8	0.25	22.05	TT
143	Phùng Thị Minh	Nguyệt	Nữ	15/03/2007	Vật Lại	Hà Nội	YSĐK	GDNN-GDTEX Ba Vì	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	8.1	8.9	9.1	26.1	0.25	26.35	TT
144	Phó Thị Minh	Nguyệt	Nữ	16/10/1986	Sông Lô	Vĩnh Phúc	YSĐK	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.3	7.2	6.3	20.8	0.75	21.55	TT
145	Đỗ Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	08/01/1997	Thủy Nguyên	Hải Phòng	YSĐK	THPT Thủy Sơn	Thủy Nguyên	Hải Phòng	2	0.25			A00	8.0	6.8	7.7	22.5	0.25	22.75	TT
146	Nguyễn Thạch Hoàng	Nhi	Nam	03/10/2007	Vân Phú	Phú Thọ	YSĐK	GDTX tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	8.1	8.6	8.6	25.3	0.25	25.55	TT

147	Mùi Thị Yên	Nhi	Nữ	30/12/2006	Mộc Châu	Son La	YSDK	THPT Gia Phù	Phù Yên	SonLa	1	0.75			A00	7.3	7.2	7.5	22	0.75	22.75	TT
148	Trịnh Thị Kim	Nhung	Nữ	08/04/1983	Đông Anh	Hà Nội	YSDK	THPT Tây Thụy Anh	Thái Thụy	Thái Bình	2NT	0.5			A00	8.0	5.9	7.9	21.8	0.5	22.3	TT
149	Dương Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/08/1984	Tân Lạc	Phù Thọ	YSDK	THPT Ngô Quyền	TX. Hòa Bình	Hòa Bình	1	0.75			B00	4.8	6.3	5.8	16.9	0.75	17.65	TT
150	Bùi Thị	Nhung	Nữ	02/06/1988	Cao Phong	Phù Thọ	YSDK	THPT Cao Phong	Cao Phong	Hòa Bình	1	0.75			A00	4.5	6.8	4.7	16	0.75	16.75	TT
151	Nguyễn Văn	Nhường	Nữ	04/09/2000	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			C00	7.2	8.2	8.3	23.7	0.25	23.95	TT
152	Giăng Hồng	Phuong	Nam	19/03/1990	Thường Tín	Hà Nội	YSDK	THPT Vân Tào	Thường Tín	Hà Nội	2	0.25			A00	8.0	6.7	7.4	22.1	0.25	22.35	TT
153	Hà Văn	Phuong	Nam	01/08/1990	Tân Sơn	Phù Thọ	YSDK	THPT Thạch Kiệt	Tân Sơn	Phù Thọ	1	0.75			A00	5.8	5.9	5.8	17.5	0.75	18.25	TT
154	Nguyễn Minh	Phượng	Nữ	16/01/2006	Sông Lô	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Bình Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	1	0			A00	5	6.4	6.3	17.7	0	17.7	TT
155	Đinh Thị Kim	Phượng	Nữ	29/04/2006	Yên Lập-	Phù Thọ	YSDK	THPT Yên Lập	Yên Lập	Phù Thọ	1	0			A00	8.8	8.5	7.5	24.8	0	24.8	TT
156	Phạm Hồng	Phượng	Nữ	30/10/1986	Nà Phặc	Thái Nguyên	YSDK	THPT Nà Phặc	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75			A00	5.1	6.4	6.1	17.6	0.75	18.35	TT
157	Bùi Minh	Quảng	Nam	20/04/1987	Hợp Kim	Phù Thọ	YSDK	THPT Kim Bôi	Kim Bôi	Hòa Bình	1	0.75			B00	5.3	5.0	6.1	16.4	0.75	17.15	TT
158	Đặng Việt	Quân	Nam	08/3/1980	Yên Lãng	Hà Nội	YSDK	THPT Yên Lãng	Mê Linh	Hà Nội	2	0.25			A00	6.2	6.2	5.2	17.6	0.25	17.85	TT
159	Tạ Thị	Quý	Nữ	02/06/1984	Việt Trì	Phù Thọ	YSDK	THPT Trần Nguyên Hãn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	6.5	5.9	6.3	18.7	0.5	19.2	TT
160	Tạ Thị	Quý	Nữ	19/09/1991	Sông Lô	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	7.1	7.1	8.5	22.7	0.5	23.2	TT
161	Phạm Thị	Quyên	Nữ	13/10/1994	Yên Sơn	Tuyên Quang	YSDK	THPT Hàm Yên	Hàm Yên	Tuyên quang	1	0.75			A00	6.0	6.0	5.0	17	0.75	17.75	TT
162	Nguyễn Xuân	Quỳnh	Nam	03/4/2005	Đoan Hùng	Phù Thọ	YSDK	TT GDTX-GDNN Đoan Hùng	Đoan Hùng	Phù Thọ	1	0			A00	6.2	7.5	7.6	21.3	0	21.3	TT
163	Doãn Như	Quỳnh	Nữ	22/12/1989	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Phạm Công Bình	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	5.8	6.5	7.0	19.3	0.5	19.8	TT
164	Đỗ Văn	Sinh	Nam	26/06/1996	Lâm Giăng	Lào Cai	YSDK	THPT Trần Phú	Văn Yên	Yên Bái	1	0.75			A00	6.5	5.3	6.5	18.3	0.75	19.05	TT
165	Đào Công	Son	Nam	03/07/1980	Chí Đám	Phù Thọ	YSDK	THPT Đô Lương 3	Đô Lương	Nghệ An	2NT	0.5			A00	8.0	7.0	7.9	22.9	0.5	23.4	TT
166	Trần Văn	Tân	Nam	06/11/1981	Sông Lô	Phù Thọ	YSDK	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			B00	5.8	7.2	7.8	20.8	0.75	21.55	TT
167	Đàm Duy	Tiến	Nam	16/11/2007	Lâm Thao	Phù Thọ	YSDK	TTGDNN-GDTX huyện Lâm Thao	Lâm Thao	Phù Thọ	2NT	0.5			A00	6.6	7.1	7.4	21.1	0.5	21.6	TT
168	Dương Thị	Tiên	Nữ	20/12/1982	Nà Phặc	Thái Nguyên	YSDK	THPT Bộc Bó	Ba Bể	Bắc Kạn	1	0.75			A00	5.0	5.8	5.2	16	0.75	16.75	TT
169	Nguyễn Văn	Tiếp	Nam	17/09/2007	Vật Lại	Hà Nội	YSDK	GDNN-GDTX Ba Vì	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	7.7	8.9	9.0	25.6	0.25	25.85	TT
170	Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	16/5/2007	Chân Mộng	Phù Thọ	YSDK	THPT Chân Mộng	Đoan Hùng	Phù Thọ	1	0.75			C00	5.8	6.9	6.6	19.3	0.75	20.05	TT
171	Trần Ngọc	Tú	Nữ	17/10/2007	Tùng Thiện	Hà Nội	YSDK	THPT Xuân Khanh	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			C00	8.4	9.2	8.5	26.1	0.25	26.35	TT
172	Phạm Anh	Tuấn	Nam	30/06/1983	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Vĩnh Yên	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	7.1	6.0	7.6	20.7	0.25	20.95	TT

173	Nguyễn Hữu	Tùng	Nam	08/11/2007	Chí Đám	Phú Thọ	YSDK	THPT Chân Mộng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.5	6.1	6.5	18.1	0.75	18.85	TT
174	Trần Thanh	Tùng	Nam	16/8/1998	Chí Đám	Phú Thọ	YSDK	THPT Đoan Hùng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.3	4.6	5.6	16.5	0.75	17.25	TT
175	Lê Thị Ánh	Tuyết	Nữ	02/03/1984	Cổ Đô	Hà Nội	YSDK	THPT Ngô Quyền	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	6.9	6.9	6.5	20.3	0.25	20.55	TT
176	Vũ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	03/10/2006	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Hai Bà Trưng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			C00	7.8	7.2	8.0	23	0.25	23.25	TT
177	Trần Thị	Tuyết	Nữ	27/04/1990	Hàm Yên	Tuyên Quang	YSDK	THPT Hàm Yên	Hàm Yên	Tuyên quang	1	0.75			A00	5.8	5.9	5.1	16.8	0.75	17.55	TT
178	Nguyễn Thị	Tường	Nữ	15/03/1990	Sông Lô	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	6.5	5.9	7.4	19.8	0.5	20.3	TT
179	Lương Phúc	Thái	Nam	06/05/2007	Xuân Vân	Tuyên Quang	YSDK	THPT Xuân Vân	Yên Sơn	Tuyên quang	1	0.75			D00	7.2	7.0	7.3	21.5	0.75	22.25	TT
180	Lê Thị Thanh	Thanh	Nữ	13/12/2006	Nông Công	Thanh Hóa	YSDK	THPT Nông Công 3	Nông Công	Thanh Hóa	2NT	0.5			A00	6	7.9	8.2	22.1	0.5	22.6	TT
181	Đỗ Thị	Thanh	Nữ	04/07/1987	Nà Phặc	Thái Nguyên	YSDK	THPT Nà Phặc	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75			A00	4.5	5.3	5.6	15.4	0.75	16.15	TT
182	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	Nữ	15/07/1982	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	YSDK	THPT Trần Phú	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	6.9	6.3	6.7	19.9	0.25	20.15	TT
183	Khổng Thị	Thanh	Nữ	29/09/1994	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Nguyễn Thị Giang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	7.2	7.0	6.7	20.9	0.5	21.4	TT
184	Phùng Thị	Thanh	Nữ	01/01/2003	Hương Cấn	Phú Thọ	YSDK	THPT Hương Cấn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.8	7.1	7.8	21.7	0.75	22.45	TT
185	Đặng Hồng	Thanh	Nam	15/06/1989	Hải Lựu	Phú Thọ	YSDK	THPT Bình Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	4.6	6.2	5.4	16.2	0.75	16.95	TT
186	Vũ Xuân	Thành	Nam	09/6/1977	Thượng Long	Phú Thọ	YSDK	THPT Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.0	6.1	5.7	16.8	0.75	17.55	TT
187	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	21/4/1995	Phùng Nguyên	Phú Thọ	YSDK	THPT Tam Nông	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.7	5.6	6.2	18.5	0.75	19.25	TT
188	Khuất Thị Phương	Thảo	Nữ	03/10/2007	Phù Ninh	Phú Thọ	YSDK	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	6.9	7.2	8.2	22.3	0.25	22.55	TT
189	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	23/07/2007	Sông Lô	Phú Thọ	YSDK	TTGDNN-GDTC Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.3	7.3	7.3	21.9	0.75	22.65	TT
190	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	18/10/1986	Thượng Quan	Thái Nguyên	YSDK	THPT Ngân Sơn	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75			A00	6.3	7.4	5.8	19.5	0.75	20.25	TT
191	Bùi Thị	Thảo	Nữ	10/10/1988	Hòa Bình	Phú Thọ	YSDK	THPT Cao Phong	Cao Phong	Hòa Bình	1	0.75			B00	6.2	5.9	6.5	18.6	0.75	19.35	TT
192	Trịnh Đình	Thảo	Nam	01/08/1984	Thái Hòa	Phú Thọ	YSDK	THPT Liên Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			B00	5.9	4.7	6.6	17.2	0.75	17.95	TT
193	Dương Tiến	Thắng	Nam	26/12/1978	Sông Lô	Phú Thọ	YSDK	THPT C2, C3 Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	5.2	5.0	5.6	15.8	0.5	16.3	TT
194	Trần Phan	Thắng	Nam	09/06/1981	Chí Đám	Phú Thọ	YSDK	THPT Yên Sơn	Yên Sơn	Tuyên Quang	1	0.75			C00	5.5	5.3	5.4	16.2	0.75	16.95	TT
195	Triệu	Thắng	Nam	14/07/1990	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSDK	THPT BC Triệu	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	5.3	6.0	6.4	17.7	0.75	18.45	TT
196	Phùng Danh	Thật	Nam	19/10/2007	Vật Lại	Hà Nội	YSDK	THPT Lương Thế Vinh	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			C00	8.0	9.5	9.6	27.1	0.25	27.35	TT
197	Trịnh Thị	Thinh	Nữ	23/01/1984	Yên Lãng	Phú Thọ	YSDK	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.3	6.3	6.6	20.2	0.75	20.95	TT

198	Bùi Đức	Thịnh	Nam	03/11/1987	Yên Lập	Phú Thọ	YSĐK	THPT Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.8	7.7	6.1	21.6	0.75	22.35	TT
199	Nguyễn Xuân	Thọ	Nam	11/02/1988	Đoài Phương	Hà Nội	YSĐK	THPT Tùng Thiện	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			A00	8.2	8.2	8.3	24.7	0.25	24.95	TT
200	Lộc Thị Kim	Thoa	Nữ	15/08/1993	Yên Phong	Thái Nguyên	YSĐK	THPT Chợ Đồn	Chợ Đồn	Bắc Kạn	1	0.75			B00	5.7	7.0	6.7	19.4	0.75	20.15	TT
201	Hoàng Thị	Thom	Nữ	10/04/1992	Xuân Duơng	Thái Nguyên	YSĐK	THPT Na Ri	Na Ri	Bắc Kạn	1	0.75			C00	5.2	6.6	6.6	18.4	0.75	19.15	TT
202	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	19/09/1992	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSĐK	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	6.3	6.3	6.6	19.2	0.5	19.7	TT
203	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	20/07/1990	Hạ Bằng	Hà Nội	YSĐK	THPT Hai Bà Trưng	Thạch Thất	Hà Nội	2	0.25			A00	6.6	5.7	5.7	18	0.25	18.25	TT
204	Triệu Thu	Thùy	Nữ	28/12/1992	Nghĩa Tá	Thái Nguyên	YSĐK	THPT DTNT Bắc Kạn	TX Bắc Kạn	Bắc Kạn	1	0.75			B00	4.7	4.6	6.9	16.2	0.75	16.95	TT
205	Hà Thị Thanh	Thùy	Nữ	03/11/1991	Thanh sơn	Phú Thọ	YSĐK	THPT Văn Miếu	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.9	7.0	7.2	20.1	0.75	20.85	TT
206	Bùi Ngọc	Thúy	Nữ	29/08/1984	Yên Xuân	Hà Nội	YSĐK	THPT Bắc Lương Sơn	Lương Sơn	Hòa Bình	1	0.75			A00	4.3	6.0	6.2	16.5	0.75	17.25	TT
207	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	24/01/1987	Đại Phúc	Thái Nguyên	YSĐK	THPT Đại Từ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			A00	5.8	5.9	4.7	16.4	0.75	17.15	TT
208	Trần Thị	Thúy	Nữ	14/03/1985	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSĐK	THPT Trần Nguyên Hãn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	6.4	6.5	7.0	19.9	0.5	20.4	TT
209	Phùng Công	Thức	Nam	21/06/2007	Vật Lại	Hà Nội	YSĐK	THPT Ngô Quyền	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			C00	8.1	8.6	8.3	25	0.25	25.25	TT
210	Khổng Thị	Thương	Nữ	09/04/1988	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSĐK	THPT BC Triệu Thái	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	6.5	7.2	7.4	21.1	0.75	21.85	TT
211	Hồ Thị	Thương	Nữ	19/04/1992	Hồng Sơn	Tuyên Quang	YSĐK	THPT Kim Xuyên	Sơn Dương	Tuyên quang	1	0.75			A00	6.2	5.7	6.4	18.3	0.75	19.05	TT
212	Dương Văn	Thường	Nam	27/08/1990	Phúc Lộc	Thái Nguyên	YSĐK	THPT Nà Phặc	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75			A00	5.9	4.7	5.3	15.9	0.75	16.65	TT
213	Lưu Thị Thu	Trang	Nữ	23/9/2006	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	YSĐK	THPT Phạm Công Bình	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.6	7	6.6	20.2	0.5	20.7	TT
214	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	07/01/2007	Sông Lô	Phú Thọ	YSĐK	TTGDNN-GD TX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.3	7.2	7.4	21.9	0.75	22.65	TT
215	Trần Hà	Trang	Nữ	10/03/2001	Gia Lâm	Hà Nội	YSĐK	THPT Thị xã Nghĩa Lộ	TX Nghĩa Lộ	Yên Bái	1	0.75			A00	7.1	8.0	7.5	22.6	0.75	23.35	TT
216	Hoàng Văn	Trọng	Nam	17/03/2007	Trung Thịnh	Tuyên Quang	YSĐK	THPT Xín Mần	Xín Mần	Hà Giang	1	0.75			C00	6.7	5.8	6.8	19.3	0.75	20.05	TT
217	Tạ Công	Trường	Nam	23/12/1996	Hạ Hòa	Phú Thọ	YSĐK	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.1	6.6	7.1	19.8	0.75	20.55	TT
218	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	09/03/1988	Tam Nông	Phú Thọ	YSĐK	THPT BC Tam Nông	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.8	6.6	7.1	20.5	0.75	21.25	TT
219	Nguyễn Thị	Út	Nữ	03/5/1984	Thư Lâm	Hà Nội	YSĐK	THPT Liên Hà	Đông Anh	Hà Nội	2	0.25			A00	7.0	5.6	8.0	20.6	0.25	20.85	TT
220	Dương Thành	Văn	Nam	25/06/2007	Cổ Đô	Hà Nội	YSĐK	GDNN-GD TX huyện Ba Vì	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	8.0	9.0	9.3	26.3	0.25	26.55	TT
221	Lê Nguyễn Thảo	Vân	Nữ	04/09/2006	Yên Mỹ	Hưng Yên	YSĐK	THPT Yên Mỹ	Yên Mỹ	Hưng Yên	2NT	0.5			A00	8.5	8.2	8.3	25	0.5	25.5	TT
222	Trương Thị	Vân	Nữ	05/03/1976	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSĐK	TTGD TX Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	5.3	6.9	5.9	18.1	0.5	18.6	TT

223	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	Nữ	26/02/1979	Tây Phương	Hà Nội	YSĐK	THPT Thạch Thất	Thạch Thất	Hà Nội	2	0.25			C00	5.9	4.7	6.2	16.8	0.25	17.05	TT
224	Nguyễn Thị Hồng	Vui	Nữ	15/03/1987	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	YSĐK	THPT BC Triệu Thái	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	8.0	6.4	7.6	22	0.75	22.75	TT
225	Nguyễn Thị	Vượng	Nữ	21/07/1989	Cổ Đô	Hà Nội	YSĐK	THPT Quảng Oai	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	6.0	6.6	5.2	17.8	0.25	18.05	TT
226	Trần Văn	Xuân	Nam	08/01/1981	Vạn Phú	Thái Nguyên	YSĐK	TT GDTX Đại Từ	Đại Từ	Thái Nguyên	1	0.75			A00	6.7	6.6	5.6	18.9	0.75	19.65	TT
227	Nguyễn Mạnh	Yên	Nam	25/01/2006	Cẩm Khê	Phú Thọ	YSĐK	THPT Hiền Đa	Cẩm Khê	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	6.9	7.8	7.6	22.3	0.5	22.8	TT
228	Khổng Thị Hải	Yên	Nữ	01/04/2025	Tam Sơn	Phú Thọ	YSĐK	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	5.1	6.7	5.1	16.9	0.5	17.4	TT

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ HĐTS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG**

(Kèm theo Quyết định số 484/QĐ-CDYD ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2025)

TT	Họ và đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Hộ khẩu		Trường THPT Lớp 12			Khu vực	Điểm KV	ĐT	Điểm UT	Khối xét	Điểm lớp 12			ĐIỂM TBC	ĐIỂM UT	ĐIỂM XT	KQ
							Tên trường	Địa chỉ	M1						M2	M3					
1	Nguyễn Hoài	Anh	Nữ	19/11/2006	Đoan Hùng	Phú Thọ	THPT Quế Lâm	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.7	7.1	8.0	22.80	0.8	23.55	TT
2	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	30/07/2007	Hội Thịnh	Phú Thọ	THPT Tam Dương II	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	8.0	8.1	8.1	24.20	0.5	24.70	TT
3	Nguyễn Việt	Anh	Nam	23/11/2007	Liên Châu	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.5	7.0	7.1	20.60	0.5	21.10	TT
4	Tạ Ngọc Phương	Anh	Nữ	07/06/2007	Thọ Văn	Phú Thọ	THPT Hưng Hóa	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.3	8.0	8.0	23.30	0.8	24.05	TT
5	Đặng Mai	Anh	Nữ	17/08/2007	Phù Ninh	Phú Thọ	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.0	7.2	6.9	21.10	0.3	21.35	TT
6	Đỗ Dương	Anh	Nam	18/04/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	THPT Chất lượng cao Văn Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.7	8.1	8.3	24.10	0.3	24.35	TT
7	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	17/08/1990	Hội Thịnh	Phú Thọ	THPT Sơn Tây	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			A00	5.8	5.7	6.5	18.00	0.3	18.25	TT
8	Cù Ngọc	Ánh	Nữ	06/12/2006	Yên Sơn	Tuyên Quang	THPT Xuân Huy	Yên Sơn	Tuyên Quang	1	0.75			A00	6.4	6.4	7.7	20.50	0.8	21.25	TT
9	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/11/2007	Bình Phú	Phú Thọ	THPT Nguyễn Huệ	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.0	9.6	8.3	25.90	0.8	26.65	TT
10	Chu Thị Tuyết	Ánh	Nữ	11/06/2007	An Tường	Tuyên Quang	THPT Nguyễn Văn Huyền	TP. Tuyên Quang	Tuyên quang	1	0.75			C00	7.3	7.5	7.3	22.10	0.8	22.85	TT
11	Bùi Ngọc	Ánh	Nữ	15/10/2007	Dân Chủ	Phú Thọ	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.4	8.0	7.6	23.00	0.8	23.75	TT
12	Lê Ngọc	Ánh	Nữ	25/05/2007	Việt Trì	Phú Thọ	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.6	9.1	8.0	24.70	0.3	24.95	TT
13	Đình Thị Ngọc	Ánh	Nữ	29/12/2007	Đoàn Kết	Sơn La	THPT Thảo Nguyên	Mộc Châu	Sơn La	1	0.75			C00	6.7	8.0	8.0	22.70	0.8	23.45	TT
14	Dương Minh	Ánh	Nữ	20/7/2004	Lập Thạch	Phú Thọ	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	8.0	8.5	7.4	23.90	0.8	24.65	TT
15	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	27/02/2007	Phù Ninh	Phú Thọ	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	6.1	8.1	7.8	22.00	0.3	22.25	TT
16	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	25/09/1999	Sông Lô	Phú Thọ	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.0	8.5	8.1	23.60	0.8	24.35	TT
17	Hà Gia	Bảo	Nam	14/09/2007	Phù Ninh	Phú Thọ	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	6.5	7.1	6.8	20.40	0.5	20.90	TT
18	Trịnh Kim	Bắc	Nam	01/01/2007	Hiền Lương	Phú Thọ	THPT Xuân Áng	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.7	6.4	6.0	19.10	0.8	19.85	TT
19	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	12/9/2007	Yên Lạc	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.4	7.2	7.3	21.90	0.5	22.40	TT
20	Trương Anh	Chiến	Nam	22/09/1981	Nậm Pồ	Điện Biên	THPT Vĩnh Chân	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.0	5.5	5.2	15.70	0.8	16.45	TT
21	Hoàng Đào Vương	Diễm	Nữ	22/02/2007	Đào Xá	Phú Thọ	THPT Hưng Hóa	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.3	8.0	8.0	23.30	0.8	24.05	TT

22	Trần Thị	Diệu	Nữ	24/10/2007	Tân Mai	Nghệ An	THPT Hoàng Mai	Hoàng Mai	Nghệ An	2	0.25			C00	9.1	7.9	8.8	25.80	0.3	26.05	TT
23	Phạm Thùy	Dung	Nữ	06/10/1994	Hồng Bàng	Hải Phòng	THPT Hồng Bàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	3	0			A00	5.3	6.7	5.3	17.30	-	17.30	TT
24	Hoàng Thị	Dung	Nữ	27/04/1995	Vị Xuyên	Tuyên Quang	THPT Vị Xuyên	Vị Xuyên	Hà Giang	1	0.75			C00	6.2	6.6	6.4	19.20	0.8	19.95	TT
25	Đặng Tiến	Dũng	Nam	12/05/2007	Hạ Hòa	Phú Thọ	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.8	7.0	7.3	20.10	0.8	20.85	TT
26	Nguyễn Trung	Dũng	Nam	31/10/2007	Phùng Nguyên	Phú Thọ	THPT Long Châu Sa	Lâm Thao	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	7.8	6.8	7.1	21.70	0.5	22.20	TT
27	Bùi Thị Ánh	Dương	Nữ	27/01/2007	Định Hóa	Thái Nguyên	THPT Định Hóa	Định Hóa	Thái Nguyên	1	0.75			A00	6.4	5.6	7.2	19.20	0.8	19.95	TT
28	Phùng Quý	Dương	Nam	16/02/2003	Quảng Oai	Hà Nội	THPT Lương Thế Vinh	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			C00	6.3	8.4	8.5	23.20	0.3	23.45	TT
29	Cao Hải	Đặng	Nam	17/05/2007	Chií Đám	Phú Thọ	THPT Quế Lâm	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.0	6.7	6.6	19.30	0.8	20.05	TT
30	Nguyễn Trường	Giang	Nam	28/8/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	5.6	7.6	8.0	21.20	0.3	21.45	TT
31	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	05/05/2006	Bắc Mê	Tuyên Quang	THPT Bắc Mê	Bắc Mê	Tuyên quang	1	0.75			A00	7.0	8.2	7.0	22.20	0.8	22.95	TT
32	Phan Thị Hương	Giang	Nữ	13/07/1995	Quảng Oai	Hà Nội	THPT Tùng Thiện	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			A00	6.5	5.0	7.4	18.90	0.3	19.15	TT
33	Nguyễn Văn	Giáp	Nam	14/02/2007	Yên Lập	Phú Thọ	THPT Minh Hoà	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.1	8.0	7.0	22.10	0.8	22.85	TT
34	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	31/10/2006	Việt Trì	Phú Thọ	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.6	7.8	8.2	23.60	0.3	23.85	TT
35	Trần Thu	Hà	Nữ	07/12/2007	Lâm Thao	Phú Thọ	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2NT	0.5			C00	7.5	8.2	7.3	23.00	0.5	23.50	TT
36	Phạm Thu	Hà	Nữ	18/01/2006	Nông Trang	Phú Thọ	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.3	9.2	9.4	24.90	0.3	25.15	TT
37	Hoàng Mạnh	Hà	Nữ	22/03/2007	Yên Lập	Phú Thọ	THPT Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.6	8.0	8.0	22.6	0.8	23.4	TT
38	Hà Thị	Hạnh	Nữ	18/03/2001	Việt Trì	Phú Thọ	THPT Cẩm Khê	Cẩm Khê	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.8	6.8	7.8	20.40	0.8	21.15	TT
39	Bùi Thị	Hằng	Nữ	06/09/2006	Sông Lô	Phú Thọ	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.6	8.0	7.4	22.00	0.5	22.50	TT
40	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	08/08/2007	Hùng Việt	Phú Thọ	THPT Hiền Đa	Cẩm Khê	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.2	9.1	8.3	25.60	0.8	26.35	TT
41	Vũ Thị Minh	Hiên	Nữ	15/05/2007	Tam Sơn	Phú Thọ	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.4	6.6	7.0	21.00	0.5	21.50	TT
42	Dương Thu	Hiên	Nữ	26/02/2004	TP Nam Định	Nam Định	TTGDTX Nam Định	TP.Nam Định	Nam Định	2	0.25			A00	6.6	7.3	7.7	21.60	0.3	21.85	TT
43	Nguyễn Tiến	Hiệp	Nam	04/12/2004	Hải Lựu	Phú Thọ	THPT Bình Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	5.0	7.2	6.5	18.70	0.8	19.45	TT
44	Vũ Minh	Hiếu	Nam	29/01/2007	Bình Phú	Phú Thọ	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	6.4	7.2	7.6	21.20	0.3	21.45	TT
45	Trần Minh	Hiếu	Nam	23/01/2007	Nám Dán	Tuyên Quang	PTDTNT THCS&THPT Xín Mần	Xín Mần	Hà Giang	1	0.75			A00	6.5	7.5	6.5	20.50	0.8	21.25	TT
46	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	24/10/2007	Tiên Lữ	Phú Thọ	GDNN-GDTX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.4	7.8	7.8	23.00	0.8	23.75	TT
47	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	23/05/2001	Phong Châu	Phú Thọ	THPT Thị xã Phú Thọ	Tx.Phú Thọ	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.3	8.1	7.8	23.20	0.3	23.45	TT

48	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	25/07/2006	Văn Lang	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.9	7.9	7.5	22.30	0.5	22.80	TT
49	Nguyễn Ngọc	Hoa	Nữ	10/7/2007	Sông Lô	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			B00	6.8	7.5	7.4	21.70	0.8	22.45	TT
50	Nguyễn Thị Yên	Hoa	Nữ	28/06/2007	Thượng Nông	Tuyên Quang	THPT Yên Hoa	Na Hang	Tuyên Quang	1	0.75			A00	5.9	6.4	6.3	18.60	0.8	19.35	TT
51	Nguyễn Anh	Hoài	Nữ	19/11/2007	Tam Hồng	Phú Thọ	TT GDNN-GDTEX Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.2	7.8	7.7	22.70	0.5	23.20	TT
52	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	20/06/2007	Tây Cốc	Phú Thọ	THPT Quê Lâm	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.7	6.5	6.9	21.10	0.8	21.85	TT
53	Phạm Quang	Hùng	Nam	25/04/1993	Nông Trang	Phú Thọ	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.6	5.6	6.0	18.20	0.3	18.45	TT
54	Hà Quang	Huy	Nam	29/08/2007	Tân Sơn	Phú Thọ	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.0	7.3	7.1	21.40	0.3	21.65	TT
55	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	08/2/2006	Hạ Hòa	Phú Thọ	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.6	7.9	8.6	24.10	0.8	24.85	TT
56	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	07/12/2007	Thanh Sơn	Phú Thọ	THPT Minh Đài	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.3	8.0	7.6	22.90	0.8	23.65	TT
57	Bùi Thanh	Huyền	Nữ	28/09/2007	Phùng Nguyên	Phú Thọ	THPT Tam Nông	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.6	8.2	8.0	23.80	0.8	24.55	TT
58	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	11/10/2007	Chí Đám	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Đoan Hùng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.4	8.3	8.1	22.80	0.8	23.55	TT
59	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	07/11/2007	Phù Ninh	Phú Thọ	THPT Nguyễn Huệ	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.0	8.9	7.7	24.60	0.8	25.35	TT
60	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	01/09/2004	Nông Trang	Phú Thọ	THPT Herman Gmeiner Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.6	7.6	7.5	22.70	0.3	22.95	TT
61	Nguyễn Ngọc	Hưng	Nam	22/5/2007	An Tường	Tuyên Quang	THPT Nguyễn Văn Huyền	TP. Tuyên Quang	Tuyên quang	1	0.75			C00	7.8	8.7	7.2	23.70	0.8	24.45	TT
62	Hoàng Duy	Hưng	Nam	15/04/2007	Nông Trang	Phú Thọ	TT GDTEX Tinh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.1	8.5	8.1	23.70	0.3	23.95	TT
63	Lê Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	11/10/2007	Phù Ninh	Phú Thọ	THPT Vũ Thê Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.0	7.2	8.1	23.30	0.3	23.55	TT
64	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	10/05/1992	Bình Yên	Thái Nguyên	THPT Bán công Thạch Hà	Thạch Hà	Hà Tĩnh	2NT	0.5			A00	6.5	5.8	5.3	17.60	0.5	18.10	TT
65	Hà Thu	Hương	Nữ	25/02/2005	Vân Phú	Phú Thọ	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.2	8.7	8.7	23.60	0.3	23.85	TT
66	Nguyễn Đỗ Đức	Kiên	Nam	07/07/2007	Chiềng Ken	Lào Cai	GDNN-GDTEX Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			B00	7.3	7.9	7.9	23.10	0.5	23.60	TT
67	Nguyễn Thị Hồng	Khánh	Nữ	16/01/2006	Phú Mỹ	Phú Thọ	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.1	7.0	6.8	20.90	0.8	21.65	TT
68	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	23/06/2006	Nhữ Khê	Tuyên Quang	THPT Sông Lô	TP Tuyên Quang	Tuyên quang	1	0.75			A00	5.4	6.7	7.1	19.20	0.8	19.95	TT
69	Đình Công	Khiêm	Nam	27/11/2003	Thanh Sơn	Ninh Bình	THPT Nho Quan	Nho Quan	Ninh Bình	1	0.75			A00	6.1	6.8	6.3	19.20	0.8	19.95	TT
70	Hà Thị Thanh	Lan	Nữ	11/09/2007	Long Cốc	Phú Thọ	THPT Văn Miếu	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.0	7.4	7.6	22.00	0.8	22.75	TT
71	Trần Thị Hương Ngọc	Lan	Nữ	04/9/2007	Hoàng An	Phú Thọ	THPT Tam Dương II	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	7.6	6.9	7.7	22.20	0.5	22.70	TT
72	Phạm Thị	Lâm	Nữ	27/04/1991	Ngô Quyền	Hải Phòng	THPT Đông Hưng Hà	Hưng Hà	Thái Bình	2NT	0.5			A00	6.2	5.7	5.7	17.60	0.5	18.10	TT
73	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	04/2/2006	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	5.5	7.6	7.1	20.20	0.8	20.95	TT
74	Mùa Thị	Linh	Nữ	06/8/2006	Văn Chấn	Yên Bái	THPT Sơn Thịnh	Văn Chấn	Yên Bái	1	0.75			A00	7.1	8.3	6.9	22.30	0.8	23.05	TT

75	Nguyễn Thị Thảo	Linh	Nữ	25/6/2006	Việt Trì	Phú Thọ	TTKTTH-HN tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.3	7.9	7.8	23.00	0.3	23.25	TT
76	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	18/8/2006	Vị Xuyên	Hà Giang	THPT Vị Xuyên	Vị Xuyên	Hà Giang	1	0.75			A00	5.2	6.9	7.5	19.60	0.8	20.35	TT
77	Trần Thị Diệu	Linh	Nữ	24/07/2006	Việt Trì	Phú Thọ	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	5.9	8.7	8.8	23.40	0.3	23.65	TT
78	Lê Thùy	Linh	Nữ	16/09/2007	Phú Mỹ	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Phú Ninh	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.4	6.7	7.3	21.40	0.8	22.15	TT
79	Hoàng Thị Diệu	Linh	Nữ	22/05/2004	Tân Sơn	Phú Thọ	THPT Tân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.9	6.5	6.3	18.70	0.8	19.45	TT
80	Nguyễn Phi	Long	Nam	19/7/2007	Thái Bình	Tuyên Quang	THPT Trung Sơn	Yên Sơn	Tuyên quang	1	0.75			C00	6.6	6.7	6.4	19.70	0.8	20.45	TT
81	Triệu Bảo	Long	Nam	12/10/2007	Yên Lập	Phú Thọ	THPT Minh Hòa	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			B00	7.0	6.5	7.2	20.7	0.8	21.5	TT
82	Nguyễn Hùng Giang	Long	Nam	08/12/2007	Nông Trang	Phú Thọ	TT GDTEX Tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	8.5	8.6	8.4	25.50	0.3	25.75	TT
83	Đình Thị	Lương	Nữ	05/9/1992	Yên Bái	Hà Nội	THPT Ba Vì	Ba Vì	Hà Nội	1	0.75			A00	6.5	6.4	5.8	18.70	0.8	19.45	TT
84	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	30/12/2007	Cổ Đô	Hà Nội	THPT Bất Bạt	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			C00	7.7	7.1	8.4	23.20	0.3	23.45	TT
85	Nguyễn Thị Phương	Mai	Nữ	22/05/2006	Bản Nguyên	Phú Thọ	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	8.1	7.6	8.3	24.00	0.5	24.50	TT
86	Dương Thị Phương	Mai	Nữ	23/4/2007	Tam Hồng	Phú Thọ	THPT Yên Lạc 2	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.4	6.7	7.3	21.40	0.5	21.90	TT
87	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	03/09/2007	Cam Đường	Lào Cai	THPT Số 3 Lào Cai	Lào Cai	Lào Cai	1	0.75			A00	6.7	7.7	7.8	22.2	0.8	23.0	TT
88	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	24/11/2007	Hội Thịnh	Phú Thọ	TT GDNN-GDTEX Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			B00	6.5	8.7	7.7	22.90	0.5	23.40	TT
89	Thào A	Mạnh	Nam	13/10/2006	Tùa Chùa	Điện Biên	THPT Mùn Chung	Tuần Giáo	Điện Biên	1	0.75			A00	5.7	7.4	6.5	19.60	0.8	20.35	TT
90	Hoàng Trọng	Mạnh	Nam	03/09/2007	Bản Lầu	Lào Cai	THPT số 1 huyện Mường Khương	Mường Khương	Lào Cai	1	0.75			C00	6.6	6.7	5.4	18.70	0.8	19.45	TT
91	Dương Thị	Mẫu	Nữ	10/3/2006	Lục Yên	Yên Bái	THPT Hoàng Văn Thụ	Lục Yên	Yên Bái	1	0.75			A00	5.9	6	7	18.90	0.8	19.65	TT
92	Đặng Thị	Mến	Nữ	02/3/2006	Yên Sơn	Tuyên Quang	THPT Xuân Huy	Sơn Dương	Tuyên Quang	1	0.75			A00	6.8	7.3	7.5	21.60	0.8	22.35	TT
93	Phan Diễm	Mí	Nữ	13/01/2007	Suối Hai	Hà Nội	THPT Xuân Khanh	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			C00	8.7	8.9	9.0	26.60	0.3	26.85	TT
94	Đỗ Quang	Minh	Nam	14/12/2007	Vĩnh Tường	Phú Thọ	THPT Tuần Giác	Tuần Giác	Điện Biên	1	0.75			A00	8.0	8.6	8.2	24.80	0.8	25.55	TT
95	Tô Phúc Bảo	Minh	Nam	16/11/2007	Sơn Tây	Hà Nội	THPT Trần Phú	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			C00	7.9	9.4	9.6	26.90	0.3	27.15	TT
96	Trần Trà	My	Nữ	12/11/2007	Sông Lô	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			B00	6.9	7.5	7.4	21.80	0.8	22.55	TT
97	Hoàng Trà	My	Nữ	09/11/2007	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	THPT Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			B00	6.7	8.2	8.9	23.80	0.3	24.05	TT
98	Nguyễn Phương	Nam	Nam	10/03/2007	Yên Lãng	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	7.0	7.8	7.0	21.80	0.8	22.55	TT
99	Tạ Phương	Nam	Nam	30/06/2003	Lâm Thao	Phú Thọ	TT GDNN GDTEX Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	7.3	8.3	7.1	22.70	0.5	23.20	TT
100	Dương Thị Thúy	Nga	Nữ	22/04/2007	Lập Thạch	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.5	7.4	7.2	22.10	0.8	22.85	TT
101	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	20/05/2002	Thạch Thát	Hà Nội	THPT Phùng Khắc Khoan	Thạch Thát	Hà Nội	2	0.25			A00	7.4	8.0	6.3	21.70	0.3	21.95	TT

102	Đỗ Thị Thùy	Ngân	Nữ	21/03/1996	Việt Trì	Phú Thọ	THPT Công nghiệp Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.2	6.7	6.3	19.20	0.3	19.45	TT
103	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	27/06/2003	Phù Ninh	Phú Thọ	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.8	7.4	6.6	20.80	0.8	21.55	TT
104	Lê Khánh	Ngọc	Nữ	30/5/2006	Từ Sơn	Bắc Ninh	THPT Nguyễn Văn Cừ	Từ Sơn	Bắc Ninh	2	0.25			A00	8.1	8	7.5	23.60	0.3	23.85	TT
105	Trần Bích	Ngọc	Nữ	11/10/2006	TX Nghĩa Lộ	Yên Bái	THPT Sơn Thịnh	Văn Chấn	Yên Bái	1	0.75			A00	7.8	8.6	7.6	24.00	0.8	24.75	TT
106	Cù Hồng	Ngọc	Nữ	25/5/2006	Yên Sơn	Tuyên Quang	THPT Xuân Huy	Sơn Dương	Tuyên Quang	1	0.75			A00	5.3	6.6	7	18.90	0.8	19.65	TT
107	Đỗ Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/05/2007	Bản Nguyên	Phú Thọ	THPT Long Châu Sa	Lâm Thao	Phú Thọ	2NT	0.5			C00	8.5	7.7	8.5	24.7	0.5	25.2	TT
108	Hoàng Hồng	Ngọc	Nữ	15/01/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.2	8.0	7.7	22.90	0.3	23.15	TT
109	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	10/06/2007	Vạn Xuân	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Tam Nông	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.2	7.0	6.6	19.80	0.8	20.55	TT
110	Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	27/04/2007	Thọ Văn	Phú Thọ	THPT Huỳnh Hóa	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.1	7.5	7.1	21.70	0.8	22.45	TT
111	Chu Thị Hồng	Ngọc	Nữ	13/05/2007	Phong Châu	Phú Thọ	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.2	7.1	6.1	20.4	0.8	21.2	TT
112	Phan Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	07/9/2007	Tam Hồng	Phú Thọ	THPT Phạm Công Bình	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	6.7	8.2	8.8	23.70	0.5	24.20	TT
113	Nguyễn Minh	Nguyễn	Nữ	29/9/2006	Phùng Nguyên	Phú Thọ	THPT Tháng 10	Yên Sơn	Tuyên Quang	1	0.75			A00	5.9	6.8	7.2	19.90	0.8	20.65	TT
114	Viên Thị	Nguyễn	Nữ	20/05/1991	Sông Lô	Phú Thọ	PTDNTT tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	5.3	6.7	4.5	16.50	0.3	16.75	TT
115	Nguyễn Hương	Nhi	Nữ	08/3/2005	Tương Mai	Hà Nội	THPT Hoàng Mai (Hệ GDTEX)	Thanh Xuân	Hà Nội	3	0			A00	7.5	8.8	9.2	25.50	-	25.50	TT
116	Nguyễn Thị Kim	Nhung	Nữ	04/06/1992	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	THPT Kim Sơn A	Kim Sơn	Ninh Bình	2NT	0.5			A00	6.2	5.1	4.5	15.80	0.5	16.30	TT
117	Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	03/4/2004	Tề Lỗ	Phú Thọ	THPT Vĩnh Yên	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			C00	7.4	8.4	7.9	23.70	0.3	23.95	TT
118	Tạ Thanh	Phong	Nam	24/09/2007	Việt Trì	Phú Thọ	THPT Herman Gmeiner	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.4	7.8	7.1	22.30	0.3	22.55	TT
119	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	25/09/2007	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	TT GDTEX tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			B00	6.6	8.0	8.4	23.00	0.3	23.25	TT
120	Đỗ Hoàng	Phúc	Nam	30/08/2025	Vĩnh Thành	Phú Thọ	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.5	9.0	8.3	23.80	0.3	24.05	TT
121	Chu Hữu	Phước	Nam	04/04/1982	Vật Lại	Hà Nội	THPT Ngô Quyền	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	5.2	5.0	5.1	15.30	0.3	15.55	TT
122	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	06/11/2002	Tây Cốc	Phú Thọ	THPT Quê Lâm	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.6	6.0	6.5	18.10	0.8	18.85	TT
123	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	02/3/2007	Yên Lạc	Phú Thọ	THPT Đồng Đậu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	6.9	7.3	7.0	21.20	0.5	21.70	TT
124	Phạm Xuân	Quang	Nam	27/03/2007	Ấu Cơ	Phú Thọ	THPT TX Phú Thọ	TX Phú Thọ	Phú Thọ	2	0.25			C00	6.9	8.1	8.4	23.4	0.3	23.7	TT
125	Quan Minh	Quang	Nam	08/02/2007	Nà Hang	Tuyên Quang	THPT Na Hang	Na Hang	Tuyên quang	1	0.75			A00	6.1	6.5	6.0	18.60	0.8	19.35	TT
126	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	11/12/2003	Quang Bình	Hà Giang	THPT Xuân Giang	Quang Bình	Hà Giang	1	0.75			A00	7.3	7	7.3	21.60	0.8	22.35	TT
127	Nguyễn Phúc	Quỳnh	Nữ	06/08/2007	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	THPT Đội Cấn	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	7.8	8.7	7.3	23.80	0.5	24.30	TT
128	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	17/03/2007	Vân Phú	Phú Thọ	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2NT	0.5			A00	6.0	7.6	6.6	20.20	0.5	20.70	TT

129	Tô Hoàng	Son	Nam	16/02/1997	Việt Trì	Phú Thọ	THPT Hạ Hòa	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.7	6.9	6.7	19.30	0.8	20.05	TT
130	Nguyễn Đức	Tài	Nam	19/07/2006	Thanh Sơn	Phú Thọ	GDNN-GDTX Thanh Thủy	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.9	6.6	7.2	19.70	0.8	20.45	TT
131	Nguyễn Việt	Tú	Nam	23/02/2004	Vân Phú	Phú Thọ	THPT Kỹ thuật Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	5.8	7.1	6.6	19.50	0.3	19.75	TT
132	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	25/08/2007	Bình Phú	Phú Thọ	THPT Nguyễn Huệ	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.0	8.5	8.0	24.50	0.8	25.25	TT
133	Hà Anh	Tuấn	Nam	19/07/2007	Trung Sơn	Tuyên Quang	THPT Trung Sơn	Yên Sơn	Tuyên quang	1	0.75			C00	6.5	6.9	6.4	19.80	0.8	20.55	TT
134	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	16/02/1978	Vật Lại	Hà Nội	THPT Quảng Oai	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	4.6	5.6	6.2	16.40	0.3	16.65	TT
135	Ngô Thanh	Tùng	Nam	26/09/2007	Kim Đức	Phú Thọ	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	6.0	9.0	7.8	22.80	0.3	23.05	TT
136	Nguyễn Quang	Tùng	Nam	03/05/2007	Yên Minh	Tuyên Quang	THPT DTNT tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Hà Giang	1	0.75			B00	5.0	6.4	5.8	17.20	0.8	17.95	TT
137	Hoàng Thị Hồng	Thanh	Nữ	15/09/1995	Yên Lập	Phú Thọ	THPT Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.0	5.3	5.5	16.80	0.8	17.55	TT
138	Hoàng Minh	Thành	Nam	22/09/2005	Thu Cúc	Phú Thọ	THPT Thạch Kiệt	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.9	7.2	8.1	22.20	0.8	22.95	TT
139	Nguyễn Văn	Thành	Nam	28/09/1983	Hiền Quan	Phú Thọ	THPT Sơn Tây	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			B00	4.7	4.5	6.4	15.60	0.3	15.85	TT
140	Phùng Thị	Thảo	Nữ	06/09/2007	Tam Nông	Phú Thọ	GDNN-GDTX Tam Nông	Tam Nông	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.8	7.7	7.9	22.40	0.8	23.15	TT
141	Lê Phương	Thảo	Nữ	24/10/2007	Vĩnh Chân	Phú Thọ	THPT Vĩnh Chân	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			D00	6.3	7.0	7.0	20.30	0.8	21.05	TT
142	Hà Thị Hương	Thảo	Nữ	24/07/2007	Mình Hòa	Phú Thọ	THPT Minh Hòa	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.2	7.4	6.8	21.4	0.8	22.2	TT
143	Hoàng Văn	Thắng	Nam	01/06/2004	Thu Cúc	Phú Thọ	THPT Thạch Kiệt	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.4	6.1	6.3	18.80	0.8	19.55	TT
144	Trần Anh	Thơ	Nữ	19/7/2006	Thanh Sơn	Phú Thọ	THPT Bất Bạt	Ba Vì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.2	8.7	7.5	23.40	0.3	23.65	TT
145	Đặng Anh	Thơ	Nữ	10/11/2006	Ba Vì	Hà Nội	THPT Bất Bạt	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	7.2	8.7	7.5	23.40	0.3	23.65	TT
146	Tô Thị	Thơm	Nữ	15/10/2001	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	THPT DTNT Tỉnh Cao Bằng	TX Cao Bằng	Cao Bằng	1	0.75			C00	6.2	6.8	6.0	19.00	0.8	19.75	TT
147	Bùi Minh	Thu	Nữ	16/6/2007	Yên Lạc	Phú Thọ	GDNN-GDTX Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.1	7.6	7.1	21.80	0.5	22.30	TT
148	Bùi Thị Lệ	Thu	Nữ	28/09/2004	Đoan Hùng	Phú Thọ	Trung tâm GDNN-GDTX Đoan hùng	Đoan Hùng	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.2	7.5	7.4	21.10	0.8	21.85	TT
149	Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	01/03/2007	Dân Chủ	Phú Thọ	THPT Trung Giáp	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.3	6.7	6.6	20.60	0.8	21.35	TT
150	Bùi Thị Thu	Thùy	Nữ	13/11/2007	Hội Thịnh	Phú Thọ	THPT Tam Dương II	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	7.8	6.6	7.5	21.90	0.5	22.40	TT
151	Lăng Thu	Thùy	Nữ	13/10/2007	Lập Thạch	Phú Thọ	TT GDTX tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	6.4	8.5	8.2	23.10	0.3	23.35	TT
152	Lưu Thanh	Thúy	Nữ	14/06/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.1	7.3	7.3	21.70	0.3	21.95	TT
153	Phạm Phương	Thúy	Nữ	06/02/2007	Nông Tiến	Tuyên Quang	THPT Ý La	TP. Tuyên Quang	Tuyên quang	1	0.75			C00	7.4	8.6	7.4	23.40	0.8	24.15	TT
154	Bùi Trí	Thức	Nam	17/10/2004	Thanh Sơn	Ninh Bình	TT GDNN GDTX huyện Nho Quan	Nho Quan	Ninh Bình	1	0.75			A00	6.3	7.8	7.4	21.50	0.8	22.25	TT
155	Đàm Thị	Thương	Nữ	29/01/2006	Việt Trì	Phú Thọ	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.3	9.3	8.1	24.70	0.8	25.45	TT
156	Hoàng Minh	Thương	Nữ	01/10/2006	Thượng Long	Phú Thọ	GDNN-GDTX tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	7.8	8.7	8.3	24.80	0.3	25.05	TT

157	Hà Thị Kiều	Trang	Nữ	14/11/2006	Hạ Hòa	Phú Thọ	THPT Xuân Áng	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.8	7.3	8.1	22.20	0.8	22.95	TT
158	Phạm Kiều	Trang	Nữ	28/4/2006	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	TT GDNN-GDTEX Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.4	7.8	7.9	22.10	0.5	22.60	TT
159	Phan Thị Thu	Trang	Nữ	08/10/2003	Phúc Lộc	Hà Nội	THPT Xuân Khanh	Sơn Tây	Hà Nội	2	0.25			A00	6.8	8.0	7.7	22.50	0.3	22.75	TT
160	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	22/09/2007	Sơn Đông	Phú Thọ	GDNN-GDTEX Lập Thạch	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	7.0	7.2	7.3	21.50	0.8	22.25	TT
161	Quảng Huyền	Trang	Nữ	01/01/2007	Mai Sơn	Sơn La	TT GDTEX Mai Sơn	Mai Sơn	Sơn La	1	0.75			C00	6.4	7.4	6.4	20.20	0.8	20.95	TT
162	Lý Thị	Trang	Nữ	20/9/2007	Yên Nguyên	Tuyên Quang	THPT Hòa Phú	Chiêm Hóa	Tuyên quang	1	0.75			C00	6.6	6.2	7.5	20.30	0.8	21.05	TT
163	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	12/01/2007	Phù Ninh	Phú Thọ	THPT Nguyễn Huệ	Phù Ninh	Phú Thọ	1	0.75			C00	8.6	9.4	9.2	27.20	0.8	27.95	TT
164	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	09/04/2007	Hạ Hòa	Phú Thọ	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.3	7.0	7.4	19.70	0.8	20.45	TT
165	Đỗ Công	Trường	Nam	17/03/2002	Mình Châu	Hà Nội	THPT Quảng Oai	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	7.0	6.8	7.0	20.80	0.3	21.05	TT
166	Nguyễn Mạnh	Trường	Nam	11/05/2004	Phong Châu	Phú Thọ	THPT TX Phú Thọ	TX. Phú Thọ	Phú Thọ	2	0.25			A00	5.5	8.2	8.5	22.20	0.3	22.45	TT
167	Lý Thị	Uyên	Nữ	10/11/2006	Mộc Châu	Sơn La	PTDNTN THCS&THPT huyện Mộc Châu	Mộc Châu	Sơn La	1	0.75			A00	4.9	7.0	7.1	19.00	0.8	19.75	TT
168	Phùng Thị Tố	Uyên	Nữ	02/10/2007	Mình Hòa	Phú Thọ	THPT Minh Hòa	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75			C00	7.0	7.0	6.3	20.30	0.8	21.05	TT
169	Nguyễn Trần Phương	Uyên	Nữ	02/01/2007	Nông Trang	Phú Thọ	THPT Kỹ thuật Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.0	8.4	8.4	24.8	0.3	25.1	TT
170	Phan Đức	Văn	Nam	27/06/2007	Việt Trì	Phú Thọ	TTKTTH-HN tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	6.5	6.6	7.0	20.10	0.3	20.35	TT
171	Phạm Quang	Việt	Nam	30/12/1991	Lê Chân	Hải Phòng	THPT Lê Lợi	Ngô Quyền	Hải Phòng	3	0			A00	7.0	6.4	6.6	20.00	-	20.00	TT
172	Nguyễn Văn	Vụ	Nam	25/08/1996	Cổ Đô	Hà Nội	THPT Đại An	Ý Yên	Nam Định	2NT	0.5			A00	5.2	5.1	5.9	16.20	0.5	16.70	TT
173	Hoàng Công	Xiển	Nam	22/06/2004	Nghĩa Đô	Lào Cai	THPT số 3 Bảo Yên	Bảo Yên	Lào Cai	1	0.75			A00	6.3	7.0	7.0	20.30	0.8	21.05	TT
174	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	10/05/1990	Việt Trì	Phú Thọ	THPT Cẩm Khê	Cẩm Khê	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.5	5.6	5.6	17.70	0.8	18.45	TT
175	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	01/03/1993	Yên Lãng	Hà Nội	THPT Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	1	0.75			C00	5.5	6.3	5.8	17.60	0.8	18.35	TT
176	Chu Ngọc	Y	Nam	14/11/1984	Cổ Đô	Hà Nội	THPT Ngô Quyền	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	7.2	5.9	6.2	19.30	0.3	19.55	TT

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ HĐTS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025**NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN (YHCT)***(Kèm theo Quyết định số 484/QĐ-CDYD ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2025)*

T T	Họ và đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Hộ khẩu		Ngành học	Trường THPT Lớp 12			Khu vực	Điểm KV	Điểm UT	Khối xét	Điểm lớp 12			Điểm TBC	Điểm UT	Điểm XT	KQ
								Tên trường	Địa chỉ						M 1	M2	M3				
1	Phạm Ngọc	Bảo	Nam	26/10/2007	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	YHCT	GDTX tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25		C00	7.5	7.3	7.6	22.40	0.3	22.65	TT
2	Phạm Xuân	Biên	Nam	02/05/1989	Na Hang	Tuyên Quang	YHCT	THPT Na Hang	Na Hang	Tuyên quang	1	0.75		A00	6.3	6.0	6.1	18.40	0.8	19.15	TT
3	Diệp Thị Quỳnh	Chang	Nữ	21/08/1990	Hoàng Su Phì	Hà Giang	YHCT	THPT Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Hà Giang	1	0.75		C00	6.0	6.6	6.0	18.60	0.8	19.35	TT
4	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	28/08/1980	Việt Trì	Phú Thọ	YHCT	PTTH Dân Lập Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25		C00	5.9	6.0	6.8	18.70	0.3	18.95	TT
5	Nguyễn Đức Huy	Dương	Nam	07/11/2007	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	YHCT	THPT Nguyễn Thái Học	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25		C00	8.4	8.0	8.0	24.40	0.3	24.65	TT
6	Trần Đình	Đề	Nam	15/08/1998	An Tường	Tuyên Quang	YHCT	THPT Tân Trào	TP. Tuyên Quang	Tuyên quang	1	0.75		A00	6.4	6.0	5.6	18.00	0.8	18.75	TT
7	Mông Thị	Đường	Nữ	29/12/1985	Định Hóa	Thái Nguyên	YHCT	THPT Định Hóa	Định Hóa	Thái Nguyên	1	0.75		B00	4.4	5.7	6.8	16.90	0.8	17.65	TT
8	Đinh Thị Hương	Giang	Nữ	26/11/2007	Yên Sơn	Phú Thọ	YHCT	THPT Hương Cẩn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75		C00	8.0	7.2	7.5	22.70	0.8	23.45	TT
9	Lê Thị Thanh	Hà	Nữ	14/01/1980	Việt Trì	Phú Thọ	YHCT	PTTH Dân Lập Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25		C00	6.9	7.0	7.0	20.90	0.3	21.15	TT
10	Bùi Bá	Hải	Nam	20/9/2001	Thanh Miếu	Phú Thọ	YHCT	THPT Việt Trì	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25		A00	6.2	7.5	6.3	20.00	0.3	20.25	TT
11	Khà Thủy	Hằng	Nữ	26/9/2006	Bum Tờ	Lai Châu	YHCT	THPT Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	1	0.75		A00	6.7	7.7	7.1	21.50	0.8	22.25	TT
12	Trần Ngọc	Hân	Nữ	17/4/2006	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	YHCT	THPT Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	1	0.75		A00	5	7.8	7.7	20.50	0.8	21.25	TT
13	Sùng A	Hờ	Nam	01/01/2007	Khao Mang	Lào Cai	YHCT	THPT Mường Kim	Than Uyên	Lai Châu	1	0.75		B00	7.4	6.5	6.8	20.70	0.8	21.45	TT
14	Cương Thị	Huệ	Nữ	05/03/1983	Bằng Vân	Thái Nguyên	YHCT	THPT Ngân Sơn	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75		A00	5.4	5.2	6.4	17.00	0.8	17.75	TT
15	Tô Thị Thanh	Huyền	Nữ	20/05/1984	An Tường	Tuyên Quang	YHCT	THPT Xuân Áng	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75		B00	5.0	5.6	6.6	17.20	0.8	17.95	TT

16	Lê Thị Hương	Nữ	12/08/1995	Yên Lập	Phú Thọ	YHCT	THPT Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75		C00	6.3	7.1	6.9	20.30	0.8	21.05	TT
17	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	22/12/2007	Tân Sơn	Phú Thọ	YHCT	THPT Tân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75		A00	7.7	7.2	7.6	22.50	0.8	23.25	TT
18	Nguyễn Hữu Kiên	Nam	23/07/1985	Lâm Thao	Phú Thọ	YHCT	THPT BC Long Châu Sa	Lâm Thao	Phú Thọ	2NT	0.5		C00	6.1	5.7	6.2	18.00	0.5	18.50	TT
19	Nguyễn Thị Lan	Nữ	15/07/1990	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	YHCT	THPT Yên Lạc 2	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5		A00	6.5	6.0	6.1	18.60	0.5	19.10	TT
20	Đinh Thùy Liên	Nữ	08/10/2007	Hương Cần	Phú Thọ	YHCT	THPT Hương Cần	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75		C00	7.0	5.9	7.4	20.30	0.8	21.05	TT
21	Lê Huyền Linh	Nữ	08/02/2007	Lập Thạch	Phú Thọ	YHCT	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75		C00	7.2	7.5	8.2	22.90	0.8	23.65	TT
22	Nguyễn Hà Phương	Nữ	30/9/2007	Tân Sơn	Phú Thọ	YHCT	THPT Tân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75		A00	7.6	7.2	7.3	22.10	0.8	22.85	TT
23	Nguyễn Văn Vãn	Nam	28/01/1992	Sơn Tây	Hà Nội	YHCT	THPT Lương Thế Vinh	Sông Công	Thái Nguyên	1	0.75		A00	7.4	6.9	8.8	23.10	0.8	23.85	TT
24	Nguyễn Hoa Mai	Nữ	26/01/2007	Sa Pa	Lào Cai	YHCT	THPT số 1 TX Sa Pa	Sa Pa	Lào Cai	1	0.75		C00	6.4	5.8	5.3	17.50	0.8	18.25	TT
25	Trình Văn Mạnh	Nam	01/09/1987	Hiền Lương	Phú Thọ	YHCT	THPT Xuân Áng	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75		A00	7.2	6.8	5.2	19.20	0.8	19.95	TT
26	Hà Thị Mĩ	Nữ	18/07/1998	Cẩm Khê	Phú Thọ	YHCT	THPT Cẩm Khê	Cẩm Khê	Phú Thọ	1	0.75		A00	8.3	7.7	7.7	23.70	0.8	24.45	TT
27	Nghiêm Thị Minh	Nữ	28/06/1983	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	YHCT	TTGDTX Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5		C00	6.1	5.5	5.7	17.30	0.5	17.80	TT
28	Nguyễn Thu Minh	Nữ	24/4/2007	Lập Thạch	Phú Thọ	YHCT	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75		C00	6.7	6.3	7.5	20.50	0.8	21.25	TT
29	Nguyễn Anh Minh	Nam	24/12/2007	An Tường	Tuyên Quang	YHCT	THPT Nguyễn Văn Huyền	TP Tuyên Quang	Tuyên quang	1	0.75		C00	6.5	7.2	6.7	20.40	0.8	21.15	TT
30	Đinh Hoàng Minh	Nam	23/01/2006	Việt Trì	Phú Thọ	YHCT	THPT CLC Hùng Vương	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25		A00	6.5	7.7	7.3	21.50	0.3	21.75	TT
31	Nguyễn Thị Nương	Nữ	06/01/1995	Bảo Hà	Lào Cai	YHCT	THPT số 1 Bảo Thắng	Bảo Thắng	Lào Cai	1	0.75		A00	7.7	5.9	6.2	19.80	0.8	20.55	TT
32	Tạ Thị Ánh Ngọc	Nữ	27/5/1990	Vĩnh Yên	Phú Thọ	YHCT	THPT Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5		A00	5.9	6.0	6.8	18.70	0.5	19.20	TT
33	Mai Hải Ngọc	Nam	03/09/1993	Đà Bắc	Phú Thọ	YHCT	THPT Ba Đình	Nga Sơn	Thanh Hóa	2NT	0.5		A00	7.5	6.6	5.8	19.90	0.5	20.40	TT
34	Phùng Thị Nhạn	Nữ	04/9/1981	Vật Lại	Hà Nội	YHCT	THPT Ngô Quyền	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25		A00	6.4	6.9	5.4	18.70	0.3	18.95	TT
35	Nguyễn Ngọc Phước	Nam	21/07/1985	Thanh Ba	Phú Thọ	YHCT	THPT Hùng Vương	TX. Phú Thọ	Phú Thọ	2	0.25		A00	6.9	6.4	7.2	20.50	0.3	20.75	TT

36	Nguyễn Thị Phurong	Nữ	06/10/1983	Hồng Vân	Hà Nội	YHCT	THPT Vân Tào	Thường Tín	Hà Nội	2	0.25		B00	5.6	6.5	6.4	18.50	0.3	18.75	TT
37	Nguyễn Minh Phurong	Nữ	30/6/2006	Son Dương	Tuyên Quang	YHCT	THPT Kim Xuyên	Son Dương	Tuyên Quang	1	0.75		A00	6.6	6.9	6.7	20.20	0.8	20.95	TT
38	Khổng Ngọc Quang	Nam	29/9/1996	Việt Trì	Phú Thọ	YHCT	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25		A00	7.2	6.4	7.0	20.60	0.3	20.85	TT
39	Nguyễn Minh Quân	Nam	20/02/2002	Bảo Hà	Lào Cai	YHCT	THPT số 1 Bảo Thắng	Bảo Thắng	Lào Cai	1	0.75		A00	6.9	7.8	7.3	22.00	0.8	22.75	TT
40	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	08/03/1985	Tam Dương	Vĩnh Phúc	YHCT	THPT Tam Dương	Tam Dương	Vĩnh Phúc	2NT	0.5		A00	8.7	6.7	7.2	22.60	0.5	23.10	TT
41	Trình Ngọc Sơn	Nam	12/05/1993	Yên Phú	Tuyên Quang	YHCT	THPT Hàm Yên	Hàm Yên	Tuyên quang	1	0.75		B00	6.8	6.8	7.0	20.60	0.8	21.35	TT
42	Đặng Xuân Tiệp	Nam	09/06/1984	Ba Vì	Hà Nội	YHCT	THPT BC Quảng Oai	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25		C00	6.0	6.3	6.3	18.60	0.3	18.85	TT
43	Hoàng Thị Ngọc Tú	Nữ	07/08/1980	Yên Lập	Phú Thọ	YHCT	PTTH Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	1	0.75		C00	6.2	7.0	7.3	20.50	0.8	21.25	TT
44	Trần Xuân Tuyên	Nam	18/07/1988	Tân Mỹ	Tuyên Quang	YHCT	THPT Hà Lang	Chiêm Hóa	Tuyên quang	1	0.75		A00	6.6	6.8	6.5	19.90	0.8	20.65	TT
45	Đình Minh Thái	Nam	12/12/2007	Yên Sơn	Phú Thọ	YHCT	THPT Hương Cẩn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75		A00	6.3	6.8	7.6	20.70	0.8	21.45	TT
46	Trần Phương Thảo	Nữ	08/6/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	YHCT	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25		C00	7.0	7.8	8.5	23.30	0.3	23.55	TT
47	Phạm Xuân Thắng	Nam	13/06/1997	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	YHCT	THPT Vĩnh Yên	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25		A00	7.2	6.7	5.4	19.30	0.3	19.55	TT
48	Triệu Hoàng Hoài Thu	Nữ	28/03/1988	Ngân Sơn	Bắc Kạn	YHCT	THPT Nà Phặc	Ngân Sơn	Bắc Kạn	1	0.75		B00	4.3	5.2	5.6	15.10	0.8	15.85	TT
49	Bé Thị Thùy	Nữ	25/01/1987	Ngân Sơn	Bắc Kạn	YHCT	THPT Ba Bể	Ba Bể	Bắc Kạn	1	0.75		B00	5.1	5.6	5.9	16.60	0.8	17.35	TT
50	Nông Thị Thùy Trang	Nữ	18/12/1987	Tam Dương	Phú Thọ	YHCT	THPT Yên Ninh	Phú Lương	Thái Nguyên	1	0.75		B00	5.8	6.0	6.7	18.50	0.8	19.25	TT
51	Nguyễn Văn Vân	Nữ	05/12/2006	Ba Vì	Hà Nội	YHCT	THPT Trần Phú	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25		A00	6.0	9.3	9.5	24.80	0.3	25.05	TT
52	Khổng Thị An Uyên	Nữ	09/12/2007	Lập Thạch	Phú Thọ	YHCT	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75		C00	7.5	6.7	8.8	23.00	0.8	23.75	TT
53	Nguyễn Xuân Việt	Nam	14/06/2007	Minh Đài	Phú Thọ	YHCT	THPT Minh Đài	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75		C00	6.2	5.0	6.7	17.90	0.8	18.65	TT
54	Nguyễn Hải Yến	Nữ	22/12/2006	Phù Ninh	Phú Thọ	YHCT	THPT Từ Đà	Phù Ninh	Phú Thọ	2NT	0.5		A00	7.1	7.2	7.1	21.40	0.5	21.90	TT

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ HĐTS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025
NGÀNH: KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC (KTHAYH)

(Kèm theo Quyết định số 484/QĐ-CDYD ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2025)

T T	Họ và đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Hộ khẩu		Ngành học	Trường THPT Lớp 12			Kh u vực	Điể m KV	Đ T	Điể m UT	Khó i xét	Điểm lớp 12			TBC	ĐIỂM M UT	ĐIỂM M XT	K Q
								Tên trường	Địa chỉ							M1	M2	M3				
1	Phạm Gia	Anh	Na m	25/10/2007	Yên Sơn	Tuyên Quang	KTHAY H	GĐNN- GDTX Huyện Cù Chi	Cù Chi	TP.Hồ Chí Minh	2	0.25			A00	6.5	5.8	7.8	20.1 0	0.3	20.35	TT
2	Vũ Quang	Dũng	Na m	31/03/2007	Hợp Lý	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Ngô Gia Tự	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	5.7	6.5	7.2	19.4 0	0.8	20.15	TT
3	Vương Minh	Hiếu	Na m	01/10/2007	Hà Quảng	Cao Bằng	KTHAY H	TT GDTX tỉnh Cao Bằng	TP. Cao Bằng	Cao Bằng	1	0.75			A00	8.1	6.5	7.4	22.0 0	0.8	22.75	TT
4	Nguyễn Huy	Hoàn g	Na m	26/01/2007	Tân Kỳ	Nghệ An	KTHAY H	THPT Tân Kỳ	Tân Kỳ	Nghệ An	1	0.75			B00	8.6	8.5	8.5	25.6 0	0.8	26.35	TT
5	Nguyễn Việt	Hoàn g	Na m	19/10/2007	Lâm Thao	Phú Thọ	KTHAY H	THPT CLC Văn Lang	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.9	8.5	8.1	24.5 0	0.3	24.75	TT
6	Nguyễn Ngọc	Huy	Na m	08/09/2007	Văn Lang	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.3	7.0	6.7	19.0 0	0.8	19.75	TT
7	Nguyễn Quốc	Huy	Na m	01/11/2007	Thanh Miếu	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Trần Phú	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	6.8	8.4	7.8	23.0 0	0.3	23.25	TT
8	Nguyễn Đức	Mạnh	Na m	18/08/2007	Mình Xuân	Tuyên Quang	KTHAY H	THPT Tân Trào	Tân Trào	Tuyên Quang	1	0.75			A00	8.1	7.6	8.0	23.7 0	0.8	24.45	TT
9	Nguyễn Phương	Nam	Na m	03/9/2007	Bản Nguyên	Phú Thọ	KTHAY H	TT KTTH- HN tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	7.0	7.7	7.1	21.8 0	0.3	22.05	TT
10	Hà Minh	Quân	Na m	14/12/2007	Thái Hòa	Tuyên Quang	KTHAY H	THPT Thái Hòa	Hàm Yên	Tuyên quang	1	0.75			B00	7.4	8.3	7.5	23.2 0	0.8	23.95	TT
11	Khổng Trọng	Son	Na m	05/03/2006	Vĩnh Hưng	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Văn Quán	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.5	5.7	6.5	18.7 0	0.5	19.20	TT
12	Nguyễn Phong	Thái	Na m	03/11/2006	Nông Trang	Phú Thọ	KTHAY H	TTGDTX Tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.9	8.1	7.0	22.0 0	0.3	22.25	TT
13	Nguyễn Văn	Thành	Na m	26/8/2007	Vĩnh Thành	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Nguyễn Việt Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			C00	8.4	7.9	7.7	24.0 0	0.5	24.50	TT
14	Nguyễn Bá	Cườn g	Na m	18/02/2006	Tân Sơn	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Minh Đài	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.9	6.8	7.3	21.0 0	0.8	21.75	TT

15	Đỗ Văn	Tùng	Nam	16/7/2006	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	KTHAY H	THPT Đồng Đậu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	7.5	7.5	7.6	22.60	0.5	23.10	TT
16	Chu Ngọc	Anh	Nam	16/04/2007	Hạ Hòa	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Hạ Hòa	Phú Thọ	1	0.75			C00	6.7	8.3	7.2	22.20	0.8	22.95	TT
17	Trần Đức	Anh	Nam	25/01/1985	Hoàng Liệt	Hà Nội	KTHAY H	THPT Nguyễn Trường Tộ	TP. Vinh	Nghệ An	2	0.25			C00	6.8	7.9	7.7	22.40	0.3	22.65	TT
18	Phạm Văn Thắng	Cánh	Nam	11/11/1993	Tứ Kỳ	Hải Dương	KTHAY H	THPT Tứ Kỳ I	Tứ Kỳ	Hải Dương	2NT	0.5			C00	5.6	6.3	6.8	18.70	0.5	19.20	TT
19	Lê Thị Kim	Dung	Nữ	22/11/1996	Tu Vũ	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	5.3	6.8	6.1	18.20	0.8	18.95	TT
20	Đình Vũ	Duy	Nam	02/06/1985	Thanh Sơn	Phú Thọ	KTHAY H	TT GDTX Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	4.9	5.9	6.0	16.80	0.8	17.55	TT
21	Nguyễn Ba	Duy	Nam	15/07/1989	Lai Khê	Hải Phòng	KTHAY H	THPT Kim Thành	Kim Thành	Hải Dương	2NT	0.5			A00	7.8	6.8	6.5	21.10	0.5	21.60	TT
22	Phạm Hải	Đăng	Nam	16/03/1999	Việt Trì	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Nguyễn Tất Thành	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			A00	6.3	7.9	8.6	22.80	0.3	23.05	TT
23	Nguyễn Thế	Hà	Nam	13/10/1994	Việt Trì	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Herman Gmeiner	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	6.6	7.2	7.1	20.90	0.3	21.15	TT
24	Trần Đức	Hiếu	Nam	29/04/1976	Thanh Sơn	Phú Thọ	KTHAY H	PTTH Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			C00	5.1	5.8	5.7	16.60	0.8	17.35	TT
25	Phạm Hồng	Khanh	Nam	06/12/1972	Vĩnh Yên	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Trần Phú	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	5.1	6.6	5.0	16.70	0.3	16.95	TT
26	Phạm Minh	Quân	Nam	29/05/1992	An Hải	Hải Phòng	KTHAY H	THPT Nguyễn Trãi	An Dương	Hải Phòng	2	0.25			A00	6.2	7.4	7.2	20.80	0.3	21.05	TT
27	Lê Việt	Thắng	Nam	14/12/2002	Tu Vũ	Phú Thọ	KTHAY H	THPT Tân Đà	Thanh Thủy	Phú Thọ	1	0.75			A00	6.3	8.3	9.0	23.60	0.8	24.35	TT
28	Lương Văn	Vinh	Nam	03/12/1971	Thanh Sơn	Phú Thọ	KTHAY H	PTTH Thanh Sơn	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.0	6.5	5.8	19.30	0.8	20.05	TT
29	Trần Hải	Yến	Nữ	05/11/1994	Gia Phú	Lào Cai	KTHAY H	THPT Tân Uyên	Tân Uyên	Lai Châu	1	0.75			A00	6.6	4.7	5.6	16.90	0.8	17.65	TT

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ HĐTS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025
NGÀNH: KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC (KTXNYH)

(Kèm theo Quyết định số 484 /QĐ-CDYD ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2025)

TT	Họ và tên	Tên	GT	Ngày sinh	Hộ khẩu		Ngành học	Trường THPT Lớp 12			Khu vực	Điểm KV	ĐT	Điểm UT	Khối xét	Điểm lớp 12			ĐIỂM TBC	ĐIỂM UT	ĐIỂM XT	KQ
								Tên trường	Địa chỉ							M1	M2	M3				
1	Vũ Hoàng	Anh	Nam	29/9/2007	Tam Sơn	Phú Thọ	KTXNYH	THPT Sáng Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	2NT	0.5			B00	7.1	7.2	7.8	22.10	0.5	22.60	TT
2	Trần Mỹ	Dung	Nữ	03/9/2006	Yên Sơn	Tuyên Quang	KTXNYH	THPT Xuân Huy	Yên Sơn	Tuyên Quang	1	0.75			A00	7.2	7.9	8.2	23.30	0.8	24.05	TT
3	Hà Nhật	Duy	Nam	11/09/2007	Tân Sơn	Phú Thọ	KTXNYH	THPT Tân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.1	7.3	7.7	22.10	0.8	22.85	TT
4	Chu Thủy	Dương	Nữ	17/04/2007	Thục Phán	Cao Bằng	KTXNYH	THPT Cao Bình	Cao Bằng	Cao Bằng	1	0.75			A00	6.2	8.7	8.0	22.90	0.8	23.65	TT
5	Trương Lê	Lợi	Nam	24/05/2001	Mộc Châu	Sơn La	KTXNYH	THPT Tháo Nguyên	Mộc Châu	Sơn La	1	0.75			A00	6.3	6.8	6.9	20.00	0.8	20.75	TT
6	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	29/09/2005	Hòa Bình	Phú Thọ	KTXNYH	THPT Công nghiệp	TP. Hòa Bình	Hòa Bình	1	0.75			A00	7.0	7.6	7.7	22.30	0.8	23.05	TT
7	Đinh Thị Trà	My	Nữ	08/6/2006	Vật Lại	Hà Nội	KTXNYH	THPT Trần Phú	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			A00	6.6	9.2	9.4	25.20	0.3	25.45	TT
8	Đinh Quang	Vinh	Nam	08/02/2007	Hương Cần	Phú Thọ	KTXNYH	THPT Hương Cần	Thanh Sơn	Phú Thọ	1	0.75			A00	7.1	6.8	7.8	21.70	0.8	22.45	TT

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ HĐTS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025
NGÀNH: HỘ SINH

(Kèm theo Quyết định số 484/QĐ-CDYD ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2025)

TT	Họ và tên	Tên	GT	Ngày sinh	Hộ khẩu		Ngành học	Trường THPT Lớp 12			Khu vực	Điểm m KV	Đ T	Điểm m UT	Khó i xét	Điểm			TBC	ĐIỂM M UT	ĐIỂM XT	KQ
								Tên trường	Địa chỉ	M1						M2	M3					
1	Lê Thị Thùy	Dương	Nữ	30/12/2007	Nông Trang	Phú Thọ	Hộ sinh	TT KTTH Hướng nghiệp tỉnh Phú Thọ	Việt Trì	Phú Thọ	2	0.25			C00	8.2	8.0	7.8	##### #	0.3	##### #	TT
2	Lê Thị Bích	Huệ	Nữ	09/10/2007	Cổ Đô	Hà Nội	Hộ sinh	GDNN-GDTX Ba Vì	Ba Vì	Hà Nội	2	0.25			C00	7.8	9.1	8.9	##### #	0.3	##### #	TT
3	Bùi Thị Hồng	Hương	Nữ	26/6/2007	Phùng Nguyễn	Phú Thọ	Hộ sinh	THPT Lâm Thao	Lâm Thao	Phú Thọ	2NT	0.5			C00	7.9	9.7	8.6	##### #	0.5	##### #	TT

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
HĐTS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH